



Sông An

CẨM NANG TỰ HƯỚNG NGHIỆP

dành cho du học sinh



ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN

Tác giả

Nguyễn Thị Phương Uyên	Lê Thị Việt Hà
Nhà sáng lập và điều hành Công ty Du học VNTalent Education	Giám đốc quốc gia Công ty Spark Prep Việt Nam

Nguyễn Mạnh Cường
Nhà sáng lập và Giám đốc Điều hành Công ty Du học INDEC

Người hiệu đính

Phoenix Ho	Lộc Quỳnh Như
Đồng sáng lập và Giám đốc Điều hành Doanh nghiệp Xã hội Hường nghiệp Sông An	Cộng tác viên Chuyên môn Doanh nghiệp Xã hội Hường nghiệp Sông An

Người đồng hành

Phạm Hoàng Phúc	Nguyễn Thị Trung Hà
Giám Đốc Điều Hành (Việt Nam) Công ty InGenius Prep	Đồng sáng lập Công ty Avenue to Success (ATS)

Hoàng Ngọc Thảo Ly	Nguyễn Trần Thảo Chi
Giám sát Bộ phận Giải pháp Nhân sự Toàn diện Công ty Talentnet	Biên tập viên Saigon Books Chuyên viên Hường nghiệp tự do

LỜI MỞ ĐẦU

Nhóm tác giả đồng chấp bút **Cẩm nang Tự hướng nghiệp dành cho du học sinh** với ước muốn hỗ trợ các bạn trẻ trong hành trình phát triển nghề nghiệp (hướng nghiệp) của bản thân. Chúng tôi khuyến khích các bạn nghiêm túc và cam kết trong việc đọc và làm theo các bước trong cẩm nang này. Với nhiều năm kinh nghiệm trong hai lĩnh vực du học và hướng nghiệp, chúng tôi tin tưởng rằng thời gian và công sức mà các bạn đầu tư vào việc tự hướng nghiệp theo cẩm nang này sẽ mang lại nhiều kết quả tốt đẹp trong sự nghiệp tương lai của các bạn.

Cẩm nang này hướng đến việc hỗ trợ độc giả:

- ❖ Hiểu bản thân và hiểu ngành học để tăng cơ hội được nhận vào các trường phù hợp.
- ❖ Xây dựng và cải thiện các kỹ năng thiết yếu từ đó giúp cho việc hội nhập vào môi trường học quốc tế, đa dạng văn hóa một cách dễ dàng hơn.
- ❖ Hiểu rõ quyết định nghề nghiệp để bớt hoang mang trong quá trình học tập và/hoặc cọ xát với môi trường mới, dẫn đến việc chuyển ngành học, mất tự tin, lạc lối.

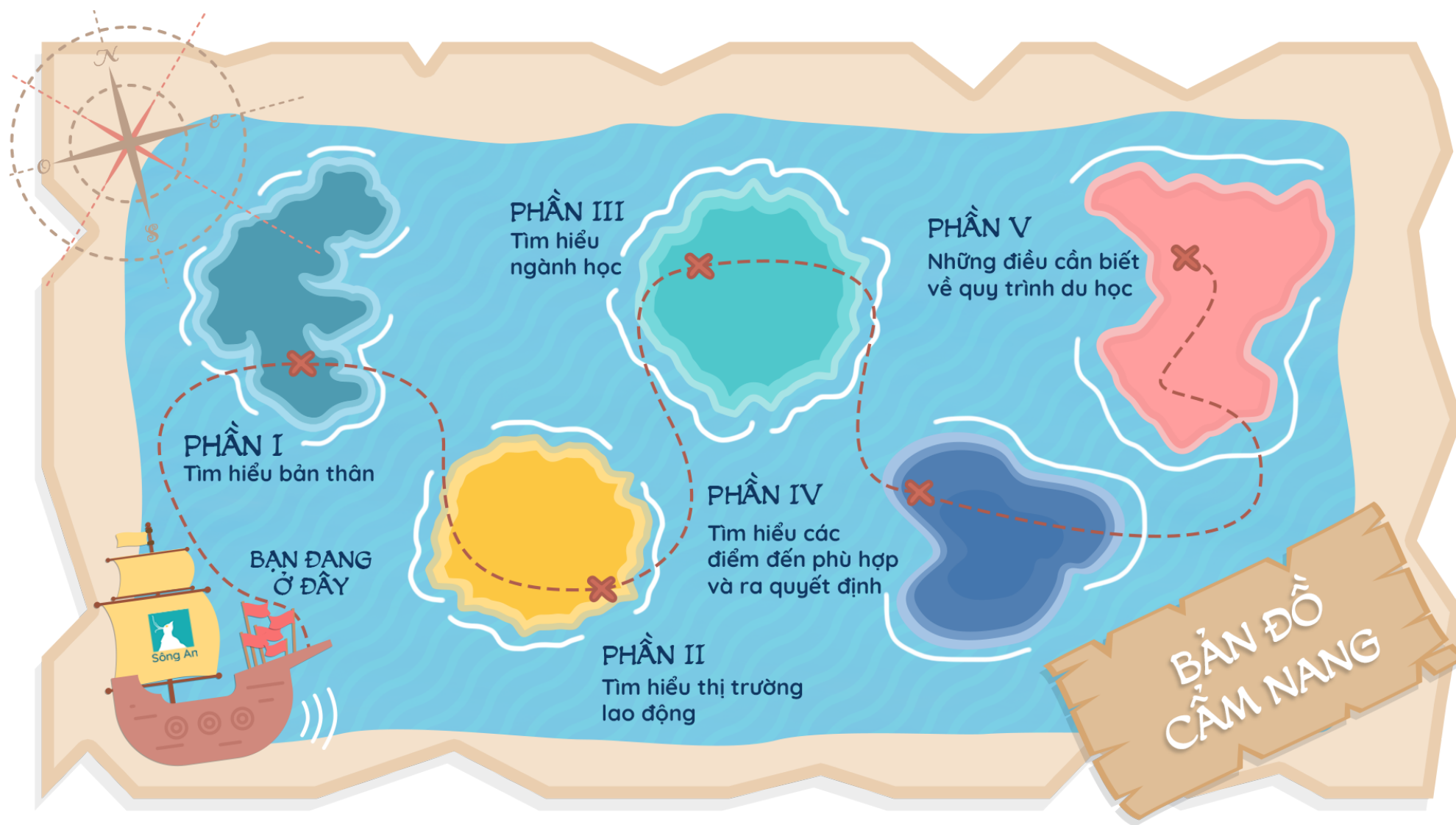
Cẩm nang Tự hướng nghiệp dành cho du học sinh được viết dành riêng cho (1) học sinh cấp 3 có dự định đi du học sau khi tốt nghiệp và (2) các bạn sinh viên năm 1 và năm 2 đang tìm kiếm cơ hội chuyển tiếp sang các trường đại học ở nước ngoài. Với các bạn tìm kiếm cơ hội du học sau đại học thì cẩm nang vẫn chứa đựng những thông tin hữu ích cho quá trình hiểu mình, hiểu nghề, hiểu điểm đến cũng như các yêu cầu chung của một bộ hồ sơ ứng tuyển.

Cẩm nang bao gồm 5 phần và độc giả được khuyến khích thực hiện theo thứ tự để đảm bảo sự thống nhất cũng như sự trọn vẹn của trải nghiệm tự hướng nghiệp.

- ❖ Phần I: Tìm hiểu bản thân
- ❖ Phần II: Tìm hiểu thị trường lao động
- ❖ Phần III: Tìm hiểu ngành học
- ❖ Phần IV: Tìm hiểu các điểm đến phù hợp và ra quyết định
- ❖ Phần V: Những điều cần biết về quy trình du học

Nhóm tác giả xin làm rõ với độc giả rằng cẩm nang này được viết ra dựa trên những kinh nghiệm và hiểu biết của nhóm tác giả sau nhiều năm làm việc trong lĩnh vực tư vấn du học và hướng nghiệp tại Việt Nam. Cẩm nang này ra đời với mục tiêu hỗ trợ các bạn quan tâm tới du học nói chung có được những thông tin tổng quan về hướng nghiệp liên quan tới du học, nhưng không gói gọn trong một điểm đến cụ thể nào một cách khách quan nhất. Do vậy, khi các bạn và cha mẹ sử dụng hoặc tham khảo cẩm nang thì cần lưu ý tới những yêu cầu hoặc đặc điểm, đặc thù của từng điểm đến để có sự chuẩn bị phù hợp. Ngoài ra, cẩm nang này không nhằm mục đích thay thế cho các hoạt động tư vấn du học chuyên nghiệp đang được cung cấp bởi các công ty tư vấn du học.

Bây giờ, bạn có thể đăng nhập vào Gmail cá nhân, vào Tệp (File) ở góc trên bên trái, chọn Tạo bản sao (Make a copy) từ Google Docs này và thoải mái thiết kế lại theo ý thích của mình. Bạn nhớ “bookmark” Google Docs của bạn trên trình duyệt để có thể truy cập vào Cẩm nang mỗi khi bắt đầu chinh phục từng phần nha.



MỤC LỤC

ĐỘI NGŨ THỰC HIỆN.....	2
LỜI MỞ ĐẦU.....	3
PHẦN I: TÌM HIỂU BẢN THÂN.....	8
1. Xác định các nhóm sở thích nghề nghiệp (Nhóm Holland).....	8
2. Học lực.....	11
2.1. Xác định học lực của bản thân.....	11
2.2. Một vài tham chiếu về yêu cầu học lực.....	13
3. Các yếu tố gia đình, kinh tế, xã hội.....	14
4. Tìm hiểu động lực/giá trị nghề nghiệp.....	16
4.1. Động lực Lý thuyết (Theoretical Motivator).....	16
4.2. Động lực Thực tiễn (Utilitarian Motivator).....	17
4.3. Động lực Duy mỹ (Aesthetic Motivator).....	17
4.4. Động lực Xã hội (Social Motivator).....	17
4.5. Động lực Cá nhân (Individualistic Motivator).....	18
4.6. Động lực Truyền thống (Traditional Motivator).....	18
PHẦN II: TÌM HIỂU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG.....	20
1. Giới thiệu.....	20
2. Bản đồ thế giới nghề nghiệp.....	20
Bước 1: Tìm hiểu 4 nhiệm vụ công việc.....	20
Bước 2: Xác định khối ngành nghề tương ứng với nhóm sở thích.....	21
Bước 3: Xác định các nhóm ngành nghề phù hợp.....	21
Bước 4: Xác định 3 tên nghề phù hợp.....	22
3. Cách tìm hiểu ruột nghề.....	24
PHẦN III: TÌM HIỂU NGÀNH HỌC.....	34
1. Giới thiệu.....	34
2. Tìm hiểu ngành học.....	34
Bước 5: Xác định 3 ngành học phù hợp.....	34
3. Tìm hiểu ruột ngành.....	42
Bước 6: Tìm hiểu ruột ngành.....	42
PHẦN IV: TÌM HIỂU CÁC ĐIỂM ĐẾN PHÙ HỢP VÀ RA QUYẾT ĐỊNH.....	45
1. Giới thiệu.....	45
2. Xác định tiêu chí ưu tiên ảnh hưởng đến việc ra quyết định du học.....	45
Bước 7: Xác định tiêu chí ưu tiên.....	45
2.1. Xác định các tiêu chí.....	45
2.2. Liệt kê và sắp xếp thứ tự ưu tiên.....	48
3. Tìm hiểu quốc gia.....	49
Bước 8: Tìm hiểu quốc gia.....	49
3.1. Tìm hiểu thông tin khái quát.....	49
3.2. Tìm hiểu thông tin về hệ thống giáo dục.....	50
3.3. Tìm hiểu thông tin về chính sách việc làm trong và sau khi học cùng chính sách	

visa.....	51
4. Tìm hiểu trường.....	52
Bước 9: Tìm hiểu trường.....	52
5. Ra quyết định.....	55
PHẦN V: NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ	
QUY TRÌNH DU HỌC.....	57
1. Giới thiệu.....	57
2. Các hạng mục chính của quy trình du học.....	57
2.1. Trường đến.....	57
2.2. Cuộc sống nơi đến.....	59
2.3. Thị thực (visa) du học.....	61
2.4. Các khâu chuẩn bị tại Việt Nam.....	63
2.5. Chuẩn bị trước khi lên đường.....	64
LỜI KẾT.....	67
QUỸ PHÁT TRIỂN HƯỚNG NGHIỆP.....	68



PHẦN I: TÌM HIỂU BẢN THÂN

Bạn đang ấp ủ ước mơ được bước ra thế giới để khám phá những điều mới mẻ, hướng tới tương lai?

Bạn có biết việc quyết định đi du học là một bước quan trọng trong cuộc đời của bạn?

Thực tế là, quyết định đi du học đòi hỏi bạn phải lên kế hoạch và chuẩn bị càng sớm càng tốt một cách thấu đáo, bởi điều này không chỉ liên quan tới bản thân bạn mà cả gia đình bạn nữa. Cụ thể, để tìm được một điểm đến phù hợp với bản thân và hoàn cảnh gia đình, bạn cần phải hiểu rõ mình. Ví dụ: Bạn muốn theo đuổi ngành nghề gì? Bạn có khả năng học tập và theo đuổi công việc mình mong muốn không? Bạn đã chuẩn bị hay có đáp ứng yêu cầu của nơi bạn muốn đến không? Hay thực tế hơn, cha mẹ có ủng hộ bạn trong quyết định đi du học hay không? Mức độ sẵn sàng về tài chính của cha mẹ bạn như thế nào? Và xa hơn nữa, bạn có những động lực nghề nghiệp nào để làm động lực chính trong việc quyết định lựa chọn điểm đến hay ngành học của bạn?

Những nội dung trong **Phần I: Tìm hiểu bản thân** sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên. Bạn hãy dành thời gian hoàn thành và chiêm nghiệm các nội dung này và thử xem Phần I có thể giúp bạn hiểu thêm về mình và điều kiện của mình như thế nào nhé!

1. Xác định các nhóm sở thích nghề nghiệp (Nhóm Holland)

Việc lựa chọn một ngành nghề phù hợp với bản thân là cực kỳ quan trọng vì nó sẽ ảnh hưởng đến sự nghiệp của bạn trong tương lai. Việc xác định được sở thích nghề nghiệp sẽ giúp cho bản thân:

- ❖ Có góc nhìn thực tế về công việc mà bạn yêu thích hay công việc mà bạn muốn theo đuổi nhưng chưa hiểu công việc đó là gì.
- ❖ Có cơ hội chiêm nghiệm, đào sâu vào sở thích nghề nghiệp của mình.
- ❖ Có cơ hội xây dựng, nâng cao những kỹ năng cần thiết cho việc du học và xa hơn là đi làm.
- ❖ Đa dạng hóa nội dung hoạt động ngoại khóa để chuẩn bị cho bộ hồ sơ du học (đặc biệt đối với các bạn có dự định du học Mỹ và xin hỗ trợ tài chính hoặc học bổng).

Trong phần này, chúng tôi sử dụng Lý thuyết Mật mã Holland để giúp bạn tìm hiểu về sở thích nghề nghiệp của bản thân. Hãy kiên trì làm theo hướng dẫn dưới đây. Chúng tôi tin rằng khi nghiêm túc thực hiện hướng dẫn này, bạn sẽ tìm ra kết quả cho câu hỏi “Sở thích nghề nghiệp của em là gì?”.

- ❖ Trước tiên, bạn hãy dành ra 10 - 15 phút để làm trắc nghiệm Holland theo đường link <https://huongnghiepsongan.com/stnnholland/>.
- ❖ Sau đó, bạn xem video giới thiệu Lý thuyết Mật mã Holland, dài 13 phút, tại đường link <https://youtu.be/9-p0CsZYGuM> để hiểu về đặc điểm 6 nhóm Holland.
- ❖ Sau khi làm test, xem video giới thiệu, bạn hãy sử dụng Biểu mẫu a & Biểu mẫu b bên dưới để liên hệ với các đặc điểm của bản thân và xác định các nhóm Holland giống bản thân nhất.

Biểu mẫu a: Xác nhận các nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland) theo phương pháp tự đánh giá

Nhóm sở thích nghề nghiệp Holland	Mô tả đặc điểm nhóm Holland	Liên hệ bản thân <i>(Dựa theo đặc điểm nhóm Holland ở bên trái, bạn hãy liên hệ và ghi xuống những mô tả về bản thân mình)</i>
<p><i>Ví dụ: Kỹ thuật</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học tốt nhất khi có thực hành hay khi thấy được ứng dụng thực tiễn, không thích học lý thuyết - Thoải mái khi tiếp xúc với máy móc, công cụ, thiên nhiên, động vật - Học những môn vận động, sử dụng những công cụ và máy móc nhanh - Ít nói, ít chia sẻ khi mới gặp - Gặp khó khăn trong giao tiếp với người lạ cũng như diễn đạt ý tưởng 	<ul style="list-style-type: none"> - Khi học môn Sinh và môn Hóa, học phần thực hành tốt hơn phần lý thuyết - Thích nuôi chó, có thể ngồi chơi với nó cả buổi - Chơi bóng đá giỏi - Cực kỳ không thoải mái với việc chủ động bắt chuyện với người lạ - ...
<p>Kỹ thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học tốt nhất khi có thực hành hay khi thấy được ứng dụng thực tiễn, không thích học lý thuyết - Thoải mái khi tiếp xúc với máy móc, công cụ, thiên nhiên, động vật - Học những môn vận động, sử dụng những công cụ và máy móc nhanh - Ít nói, ít chia sẻ khi mới gặp - Gặp khó khăn trong giao tiếp với người lạ cũng như diễn đạt ý tưởng 	
<p>Nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hay đặt câu hỏi về hiện tượng xung quanh - Thích suy nghĩ và học hỏi kiến thức mới - Học rất giỏi và hiểu rất sâu một đề tài nào đó mà họ quan tâm - Không dễ dàng được thỏa mãn bởi một câu trả lời vô thưởng vô phạt - Khó ra quyết định - Suy nghĩ nhiều và nhanh - Thích làm việc một mình và không thích hoặc ngại giao tiếp cũng như thuyết phục 	

	người khác	
Nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu thích sự tự do - Có khả năng sáng tạo tỏa sáng trong một hay ba nhóm năng khiếu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nghệ thuật ứng dụng viết và nói + Nghệ thuật ứng dụng thị giác + Nghệ thuật sáng tạo và trình diễn - HÀi hước, thú vị, có cá tính lạ, yêu thích cái đẹp và có tính sáng tạo - Cảm xúc lên xuống thất thường - Thiếu thực tế và hay bốc đồng cũng như thường thích làm những điều khác với người xung quanh - Gặp khó khăn trong việc đi học đúng giờ, nộp bài đúng hạn 	
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ khả năng EQ (thông minh về cảm xúc) từ rất sớm - Thích giúp đỡ, giàu lòng trắc ẩn - Thân thiện, lắng nghe tốt và có thể diễn đạt ý tưởng/cảm xúc của bản thân dễ dàng - Nhạy cảm với cảm xúc của người khác, dễ bị tác động hoặc ảnh hưởng cảm xúc của người khác - Có thói quen ưu tiên người khác trước bản thân - Thường học rất tốt các môn xã hội, và một số có khiếu học ngoại ngữ 	
Quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Thích giữ vai trò lãnh đạo, thích kinh doanh/kiếm tiền từ rất sớm - Có khả năng thuyết phục và dễ được tin phục - Biết rõ mình muốn gì và khó ép họ làm điều họ thích - Nhận lời dù chưa có đủ khả năng/kiến thức - Dễ chán với cái đã hơi quen thuộc dù chưa thật sự hiểu sâu - Ít để ý đến chi tiết 	

Nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần trách nhiệm và tự chủ cao từ khi còn rất nhỏ - Thích sự ngăn nắp gọn gàng - Nhạy bén với các con số và phép tính toán, và là người chi tiêu cẩn thận - Thích sự rõ ràng, mạch lạc và dễ bị căng thẳng do cầu toàn - Chu đáo, tỉ mỉ, đúng giờ, có kế hoạch rõ ràng - Ôm phần việc của người khác - Căng thẳng khi gần tới hạn chót của một dự án hay khi gần tới hạn kỳ thi 	
-----------	--	--

Biểu mẫu b: Xác định 3 nhóm Holland giống nhất và 1 nhóm Holland khác nhất

Nhóm Holland giống nhất	
Nhóm Holland giống thứ hai	
Nhóm Holland giống thứ ba	
Nhóm Holland khác nhất	

2. Học lực

2.1. Xác định học lực của bản thân

2.1.1. Điểm trung bình

Thường có một quan niệm sai lầm rằng, chúng ta phải học rất xuất sắc mới nên đi du học. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của tài liệu tự hướng nghiệp cho du học sinh này, chúng tôi có thể khẳng định rằng, bạn không cần phải rất xuất sắc mới có thể đi du học vì trình độ nào cũng sẽ có những trường phù hợp, quan trọng nhất là bạn có thực sự hiểu được khả năng của mình sẽ phù hợp với môi trường nào hay không. Do vậy, việc xác định rõ khả năng và trình độ học của mình là vô cùng quan trọng trong việc giúp cho bạn có quá trình chuẩn bị hồ sơ tốt hơn cũng như kiểm soát được sự mong đợi của bản thân và gia đình về thứ hạng của trường hay mức độ được nhận học bổng/hỗ trợ tài chính, từ đó giúp gia đình có thể có sự chuẩn bị tốt hơn về tâm lý và tài chính.

Chúng ta phần nào thấy rằng hệ thống giáo dục hiện tại ở Việt Nam tuy có cố gắng thay đổi trong chương trình phổ thông mới 2018 nhưng vẫn chưa có đủ thời gian và nhân lực để khuyến khích những môn học có tính sáng tạo như Âm nhạc hay Hội họa; hay các môn rèn luyện thể lực hoặc các môn học có tính kỹ thuật, hoặc các môn học thuộc chuyên ngành kinh tế như Marketing hay Kế toán. Do đó, chúng ta thường không để ý hoặc không đánh giá cao khả năng của bản thân ở những lĩnh vực này. Việc bạn học chưa tốt các môn học

chính ở trường không có nghĩa là bạn không có năng khiếu hay sở trường. Hãy thành thật với mình để biết khả năng học tập của mình vì đây là cơ sở quan trọng trong việc chọn ngành học, bậc học và chọn trường.

- ❖ Điểm trung bình 2 học kỳ gần nhất của bạn là bao nhiêu? _____
- ❖ Hãy liệt kê tên 3 môn học có điểm cao nhất, điểm số đó và điểm trung bình học kỳ theo biểu mẫu dưới đây:

Biểu mẫu c: 3 môn học có điểm cao nhất, điểm số đó và điểm trung bình học kỳ

	Môn 1 - Điểm tương ứng	Môn 2 - Điểm tương ứng	Môn 3 - Điểm tương ứng	Trung bình HK
<i>Ví dụ: Học kỳ 1 lớp 10</i>	<i>Toán - 9.2</i>	<i>Lý - 8.5</i>	<i>Hóa - 8.3</i>	<i>8.4</i>
Học kỳ 1 lớp 10	_____	_____	_____	_____
Học kỳ 2 lớp 10	_____	_____	_____	_____
Học kỳ 1 lớp 11	_____	_____	_____	_____
Học kỳ 2 lớp 11	_____	_____	_____	_____
Học kỳ 1 lớp 12	_____	_____	_____	_____
Học kỳ 2 lớp 12	_____	_____	_____	_____
Trung bình 5 hoặc 6 học kỳ	_____	_____	_____	_____
Điểm thi thử gần nhất (nếu có)	_____	_____	_____	_____

- ❖ 4 hoặc 5 môn học mà bạn tự tin nhất là gì (bao gồm các môn học chính khóa ở trường phổ thông và cả các môn năng khiếu như lập trình, thể thao, vẽ, thanh nhạc, nhạc cụ, diễn xuất, v.v.; các chứng chỉ tiếng Anh IELTS hay TOEFL, v.v.; các môn không nhất thiết phải là môn có điểm cao nhất).

Biểu mẫu d: Các môn học tự tin nhất

Các môn học mà tôi tự tin nhất:

2.1.2. Các điểm thi chuẩn hóa cần thiết

Khi đi du học, bạn phải xác định rằng mình sẽ học bằng một ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt. Do vậy, bạn cần dành nhiều thời gian chuẩn bị để có thể sử dụng ngoại ngữ đó một cách thành thạo cho việc học các kiến thức học thuật và phù hợp với trình độ cấp học. Bạn cần xác định:

- ❖ Trình độ ngoại ngữ hiện tại của bạn thông qua điểm các bài test ngoại ngữ như IELTS/TOEFL (chương trình nói tiếng Anh), DELF/DALF/TCF (chương trình nói tiếng Pháp), HSK (chương trình nói tiếng Trung), JLPT (chương trình nói tiếng Nhật), v.v.
- ❖ Ngoài các bài thi chuẩn hóa ngoại ngữ này, nhiều quốc gia sẽ có một bài thi chuẩn hóa kiểm tra kiến thức, phổ biến nhất như SAT/ACT (du học Mỹ và nhiều chương trình nói tiếng Anh); các bài test Toán - Anh của các nước như Singapore, Phần Lan; các bài thi chuẩn hóa bắt buộc cho những ngành học đặc thù như ISAT, MCAT (y khoa), CASPER (giáo viên), v.v. Bạn có thể làm các bài thi thử để xác định trình độ của mình trên các kênh giới thiệu về du học các nước.

Tùy vào thời điểm bạn quyết định đi du học thì sẽ có những kế hoạch chuẩn bị khác nhau. Nhưng bạn có thể tự trả lời những câu hỏi sau để xác định xem mình đã sẵn sàng để đi du học chưa, hay mình có phù hợp để đi du học không, và mình có thể lên kế hoạch chuẩn bị như thế nào:

- ❖ Điểm hiện tại của bạn so với yêu cầu của các trường mà bạn muốn vào học là như thế nào?
- ❖ Bạn thấy thế nào khi phải đọc hiểu các nội dung học thuật bằng ngôn ngữ của nơi bạn muốn đến? Bạn có thể hiểu được bao nhiêu phần trăm?
- ❖ Bạn thường sử dụng ngôn ngữ của nơi bạn muốn đến cho mục đích gì? Giao tiếp hằng ngày, hay học thuật, v.v.?
- ❖ Bạn cần bao nhiêu thời gian để tăng một bậc điểm trong các bài thi chuẩn hóa để đạt được kết quả mong muốn?
- ❖ Bạn có gặp trở ngại hay khó khăn gì trong việc nâng cao điểm số của mình trong các bài thi chuẩn hóa không?

2.2. Một vài tham chiếu về yêu cầu học lực

Sau đây là một vài ví dụ về yêu cầu học lực để bạn có thể tự đánh giá về mức độ sẵn sàng cho việc du học của mình. Đây chỉ là những thông tin tham chiếu cơ bản trong quá trình chuẩn bị hồ sơ nhập học. Bạn cần phải kiểm tra yêu cầu cụ thể của từng trường/ngành học/khóa học mà mình muốn nộp. Đồng thời, bạn có thể tham khảo báo cáo của các trường về trình độ của học sinh đã được nhận vào trường trong những năm gần với thời gian bạn nộp hồ sơ để xác định cơ hội được nhận vào trường.

2.2.1. Trường hợp nộp hồ sơ đi học cao đẳng cộng đồng (Mỹ)/ngành (Canada, Úc)

- ❖ Tùy theo yêu cầu từng trường, điểm trung bình 3 năm Phổ thông trung học từ 7.0 trở lên, tương đương khoảng từ 2.8-3.0/4.0.
- ❖ Điểm tiếng Anh phải từ IELTS 5.5, TOEFL IBT 79 trở lên.

2.2.2. Trường hợp học sinh đi học đại học (bậc cử nhân trở lên)

- ❖ Điểm trung bình 3 năm Phổ thông trung học từ 7.5 trở lên, tương đương mức 3.0 trở lên.
- ❖ Về ngôn ngữ phải đáp ứng mức đầu vào về ngôn ngữ của từng nước và từng chương trình học:
 - Đối với các nước/chương trình học sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy thì phải nộp chứng chỉ của các kỳ thi chuẩn hóa như IELTS, TOEFL IBT, PTE, Duolingo English Test (DET), bài test tiếng Anh riêng của trường, v.v. Tùy theo từng trường/ngành học sẽ có mức chuẩn khác nhau nhưng ít nhất phải đáp ứng IELTS 6.5, TOEFL IBT từ 85, PTE từ 68, DET từ 90 trở lên.
 - Đối với các nước sử dụng ngôn ngữ khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, các nước ở châu Âu thì phải đáp ứng được mức đầu vào về ngôn ngữ của từng quốc gia (chi tiết sẽ có ở trên trang website của trường).

Lưu ý: Nếu điểm trung bình các môn của bạn chưa đạt theo yêu cầu, thì trường vẫn có thể dựa trên các môn học liên quan đến ngành học để xem xét thêm. Ngoài ra, với những nước tập trung vào xem xét điểm trung bình các môn và điểm tiếng Anh (IELTS/TOEFL) thì bạn cần cố gắng nâng điểm trung bình càng cao càng tốt. Điểm trung bình cao sẽ giúp bạn có nhiều lựa chọn vào các trường tốt và bạn có thêm cơ hội nhận được các mức học bổng/hỗ trợ tài chính hấp dẫn.

3. Các yếu tố gia đình, kinh tế, xã hội

Đầu tiên, yếu tố kinh tế là một trong những yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến quyết định đi du học của bạn theo diện tự túc. Mặc dù nhiều bạn muốn tìm học bổng toàn phần nhưng loại học bổng này rất cạnh tranh và chỉ dành cho những bạn có học lực vô cùng xuất sắc. Các bạn đi học theo diện tự túc hay bán tự túc nên biết chi phí học tập, sinh hoạt và du lịch tại các quốc gia khác hầu hết đều cao hơn nhiều so với chi phí tại Việt Nam. Do đó, gia đình bạn cần phải có đủ tài chính để bạn có thể yên tâm học tập và không chịu áp lực tài chính. Nếu gia đình bạn đủ khả năng tài chính, điều này sẽ giúp bạn tự tin hơn trong việc lựa chọn trường học và chương trình học phù hợp với mục tiêu sự nghiệp của mình. Vì thế, nếu bạn thật sự có nhu cầu muốn đi du học, nên trao đổi rõ với cha mẹ để hiểu về tài chính của gia đình.

Thứ hai, yếu tố gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định đi du học. Gia đình có thể ủng hộ và động viên bạn, cung cấp cho bạn nguồn tài chính cần thiết hoặc thậm chí là sẽ đi cùng bạn để hỗ trợ trong quá trình thích nghi với môi trường mới. Tuy nhiên, đôi khi gia đình có thể không đồng ý với quyết định của bạn và điều này có thể gây ra xung đột trong gia đình. Do đó, bạn cần thảo luận và tìm cách giải quyết tình huống này trước khi quyết định đi du học.

Việc hiểu yếu tố kinh tế và yếu tố xã hội được thể hiện qua việc bạn hiểu về hoàn cảnh gia đình và nguyện vọng của cha mẹ. Có một thực tế, cha mẹ chiếm một phần rất lớn trong quyết định đi du học của con cái. Những câu hỏi sau sẽ giúp bạn hình dung ra những vấn đề có liên quan tới gia đình, cha mẹ mà bạn cần cân nhắc để có thể đưa ra quyết định du học phù hợp:

- ❖ Nhà bạn có mấy anh chị em? Bạn là con thứ mấy? Trong gia đình bạn có ai đi du học chưa?

- ❖ Quan điểm của cha mẹ bạn với việc đi du học là như thế nào? Bạn có thể chia sẻ thoải mái về việc đi du học với cha mẹ không?
- ❖ Cha mẹ bạn có can thiệp vào việc lựa chọn điểm đến, trường, ngành học của bạn không? Nếu có, nguyện vọng của cha mẹ bạn liên quan tới điểm đến, thứ hạng trường, ngành học, v.v. là như thế nào?
- ❖ Mức độ sẵn sàng về khả năng tài chính của cha mẹ bạn đối với việc du học của bạn là như thế nào?
- ❖ Nguyện vọng của cha mẹ bạn là gì sau khi bạn tốt nghiệp? Ví dụ như, mong muốn bạn về lại Việt Nam, mong muốn bạn ở lại định cư, hay như thế nào cũng được miễn là bạn thấy phù hợp.

Những câu hỏi trên không có câu trả lời đúng sai, chỉ là những gợi ý để bạn có thể thảo luận với cha mẹ về kế hoạch du học của mình. Việc tìm được sự thấu hiểu, đồng thuận trong gia đình sẽ là một bệ phóng quan trọng cho bạn trong chặng đường chuẩn bị du học tiếp theo của mình.

Biểu mẫu e: Xác định hoàn cảnh của gia đình

1.	<u>Học phí</u>
-	Học phí tối đa có thể chi trả trong 1 năm: _____
-	Học phí CHẤP NHẬN ĐƯỢC trong 1 năm: _____
-	Số năm học: _____
2.	<u>Chi phí sinh hoạt</u>
-	Chi phí sinh hoạt hằng tháng có thể chi trả: _____
3.	<u>Các chi phí khác</u>
-	Vé máy bay về thăm gia đình: _____
-	Du lịch: _____
4.	<u>Địa điểm trường học</u>
-	Bạn có thể học ở: (đánh dấu vào ô phù hợp)
	<input type="checkbox"/> Mỹ
	<input type="checkbox"/> Anh
	<input type="checkbox"/> Úc
	<input type="checkbox"/> Châu Âu
	<input type="checkbox"/> Châu Á
	<input type="checkbox"/> Khác
5.	<u>Mong ước của cha mẹ</u>
-	Về ngành học, trường học:

-	Về các yếu tố khác:

Cuối cùng, yếu tố xã hội cũng có ảnh hưởng đến quyết định đi du học của bạn. Trong xã hội, có những suy đoán sai về việc du học, đặc biệt là đối với những học sinh nghèo hoặc có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Điều này có thể gây ra áp lực và giảm sự tự tin của bạn khi ra quyết định đi du học. Tuy nhiên, bạn cần phải tự tin và khẳng định mục tiêu của mình với những người xung quanh.

Quyết định đi du học là một quyết định lớn, có ảnh hưởng lớn tới mối quan hệ trong gia đình cũng như tình hình tài chính của gia đình. Do vậy, việc hiểu rõ về các điều kiện, hoàn cảnh của gia đình cũng như xã hội là một phần không thể thiếu trong quá trình chuẩn bị du học.

4. Tìm hiểu động lực/giá trị nghề nghiệp

Động lực là thuật ngữ chỉ một mong muốn thúc đẩy hành vi của chúng ta từ lúc bắt nguồn, định hướng, duy trì đến lúc hoàn thành mục tiêu trong một lĩnh vực nào đó trong cuộc sống. Việc xác định được động lực/giá trị nghề nghiệp cũng sẽ giúp cho bạn có lựa chọn ngành nghề phù hợp với mình, nhất là khi bạn phải đấu tranh tư tưởng giữa quá nhiều lựa chọn cũng như chịu tác động bởi sự can thiệp từ bên ngoài. Việc quay trở lại tìm hiểu về gốc rễ của những hành vi và lựa chọn của bạn luôn là việc làm phù hợp.

Mỗi người đều có thể có nhiều động lực khác nhau và không nên giới hạn mình vào một động lực duy nhất. Sự kết hợp của các động lực có thể giúp cho việc lựa chọn nghề nghiệp và quản lý công việc trở nên dễ dàng hơn.

Theo [Công cụ Indigo](#), trong mỗi người, một động lực nào đó có thể có mức độ ưu tiên cao hơn (động lực chính) so với các động lực khác (động lực phụ). Điều này giải thích tại sao một số người vẫn thấy hài lòng với một công việc nào đó mà có thể không phù hợp với động lực chính của họ (nhưng vẫn phù hợp với động lực phụ). Do đó, để đạt được hiệu quả công việc cao nhất và phát triển bản thân, mỗi người cần phải hiểu rõ động lực của mình và chọn cho mình công việc phù hợp.

Ở đây, chúng tôi xin giới thiệu đến bạn 6 loại động lực/giá trị theo Công cụ Indigo (Indigo Assessment) của Tiến sĩ Eduard Spranger và Gordon Allport.

4.1. Động lực Lý thuyết (Theoretical Motivator)

Những người có động lực Lý thuyết thường rất ham học hỏi, thích nghiên cứu và phân tích các thông tin. Họ thường quan tâm đến việc tìm hiểu lý do và cơ sở khoa học đằng sau mọi thứ. Trong môi trường học tập, một số người thuộc nhóm này sẽ muốn tìm hiểu sâu vào một số môn học nhất định, trong khi một số người khác học đa dạng các môn. Khá nhiều người trong số họ học tiếp lên bậc Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ. Trong môi trường làm việc, họ thường có khả năng phân tích và tìm hiểu những nguyên nhân gốc rễ của các vấn đề và giải quyết chúng một cách hợp lý và hiệu quả. Họ thường làm việc với những ý tưởng mới và có thể đưa ra những giải pháp sáng tạo, họ hứng thú với bất cứ thứ gì mà có thể giúp họ học kỹ năng mới.

Nếu bạn thấy mình có những đặc điểm được miêu tả ở đoạn văn trên, bạn nên tìm ra cách cụ thể giúp bạn tiếp cận việc học tập và tìm kiếm những thách thức, cơ hội có thể thúc đẩy bạn tiến sâu hơn trong các lĩnh vực nghiên cứu của bản thân. Khi bạn xem xét các lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, hãy đảm bảo rằng danh sách đó sẽ bao gồm cả các cơ hội học hỏi không ngừng và phát triển trí tuệ. Bạn sẽ cảm thấy hứng khởi và thú vị hơn khi kết nối với một nhóm những người bạn cũng quan tâm đến các chủ đề tương tự.

Lưu ý rằng khi có động lực Lý thuyết, bạn có thể gặp rủi ro khi đi sâu vào một lĩnh vực mà bạn quan tâm đến mức không còn hứng thú với các chủ đề khác. Nếu đúng như vậy, hãy tìm

một chương trình giáo dục đặc thù hoặc công việc mà bạn có thể dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu sâu nhất chuyên ngành của mình.

4.2. Động lực Thực tiễn (Utilitarian Motivator)

Người có động lực này thích áp dụng kiến thức để giải quyết vấn đề cụ thể. Họ quan tâm đến việc sử dụng kiến thức và kỹ năng để đạt được kết quả hiệu quả và đáng giá. Trong công việc, những người có động lực Thực tiễn thường tập trung vào tác động và ứng dụng của các ý tưởng và dự án. Họ thường đánh giá các giải pháp dựa trên sự tiện lợi, khả năng thực hiện và tiềm năng kinh tế. Trong môi trường làm việc, họ thường tập trung vào việc giải quyết các vấn đề cụ thể và đưa ra các giải pháp thực tế, khả thi và có hiệu quả. Khi họ “đầu tư” các nguồn lực của bản thân vào công việc (thời gian, sức lực, trí tuệ, kỹ năng, v.v.) thì họ luôn muốn có cơ hội nhận lại “lợi nhuận” tương xứng từ sự đầu tư đó. Đó có thể là tiền bạc hoặc những lợi ích khác.

Trong học tập, những người có yếu tố động lực Thực tiễn cao sẽ cảm thấy gắn bó với việc học tập hơn khi hiểu giá trị mình nhận được từ việc học tập. Họ sẽ thích thú và đánh giá cao những gì học được nếu thấy có thể áp dụng trong đời sống thực tế hơn chỉ là lý thuyết suông. Chính vì vậy, nếu bạn là người có động lực Thực tiễn cao, bạn phải chắc chắn về chương trình học/chuyên ngành/đại học bạn chọn, rằng chúng sẽ giúp bạn đạt được mục tiêu cá nhân nhanh nhất có thể. Hãy tự mình tìm hiểu thông tin, một con đường thay thế khác có thể sẽ xuất hiện với bạn.

4.3. Động lực Duy mỹ (Aesthetic Motivator)

Những người có động lực này thường yêu thích và tìm kiếm cái đẹp và sự sáng tạo trong công việc. Họ đánh giá cao tính thẩm mỹ và sự tưởng tượng, và thường tìm kiếm cảm hứng từ môi trường xung quanh. Họ thích thực hiện các hoạt động liên quan đến sáng tạo, thẩm mỹ và nghệ thuật. Họ có khả năng nhìn nhận và hiểu được những giá trị thẩm mỹ của các ý tưởng và sản phẩm.

Đối với những người có động lực Duy mỹ, môi trường xung quanh có tác động rất lớn đến mọi hoạt động trong cuộc sống, quá trình học tập và làm việc của họ. Những người sở hữu động lực Duy mỹ cao có xu hướng thích ở trong một môi trường phù hợp tuyệt đối với họ. Khả năng thể hiện của họ tại trường học và nơi làm việc sẽ suy giảm nếu môi trường xung quanh không làm họ thấy thoải mái. Một môi trường chú trọng vật chất có xu hướng gây ảnh hưởng nhiều đến những cá nhân có động lực Duy mỹ. Bầu không khí hoặc cách bài trí tại nơi làm việc thậm chí có thể ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của họ. Do đó, việc trải nghiệm trực tiếp những nơi làm việc trong tương lai là điều quan trọng với họ.

Ngoài ra, những người có động lực Duy mỹ cần có cơ hội để thể hiện sự hài hòa và cân bằng của riêng mình thông qua một thể thức nghệ thuật cụ thể nào đó. Nếu bạn là một người như vậy, hãy nghĩ xem thể thức nghệ thuật đó là gì và cách bạn có thể kết hợp nó vào cuộc sống, quá trình học tập hoặc sự nghiệp của mình như thế nào nhé.

4.4. Động lực Xã hội (Social Motivator)

Người có động lực này thích gắn kết với người khác và tạo ra mối quan hệ xã hội tích cực. Họ quan tâm đến cộng đồng và thích giúp đỡ người khác, đặc biệt là trong các hoạt động xã hội. Những người có động lực này thường tìm kiếm cảm giác hạnh phúc, hài lòng và hỗ trợ người khác trong công việc của mình. Những người có yếu tố động lực Xã hội cao muốn tìm mọi cách để cống hiến giá trị cho cộng đồng của họ. Nếu họ nhận biết được nền tảng

giáo dục của mình sẽ giúp đỡ được nhiều người khác, họ sẽ tham gia vào các lĩnh vực có tính học thuật nhiều nhất có thể. Nếu bạn là một người có động lực Xã hội cao, điều quan trọng là bạn phải tìm ra hoạt động bạn muốn “cho đi” (làm việc với mọi người, làm tình nguyện, tham gia hội đồng cố vấn cộng đồng, v.v.) và cách bạn có thể tạo ra sự khác biệt trong lĩnh vực đó.

4.5. Động lực Cá nhân (Individualistic Motivator)

Những người có động lực Cá nhân thường tập trung vào việc thực hiện những gì mình muốn và làm những điều mình thích. Họ có sự độc lập và tự chủ cao và thường không thích bị ràng buộc bởi những quy định hay yêu cầu của tổ chức. Trong môi trường làm việc, họ thường muốn được đưa ra quyết định độc lập và có tính sáng tạo trong cách thức làm việc. Những người có yếu tố động lực Cá nhân cao mong muốn nắm quyền kiểm soát và được công nhận khi họ thể hiện tốt.

Một điều quan trọng cần phải lưu ý là những người sở hữu động lực Cá nhân cao luôn có nhiều sự lựa chọn. Thay vì được yêu cầu phải làm gì, họ muốn có nhiều hơn hai phương án. Ví dụ câu nói “Bởi vì tôi bảo phải làm vậy” là một yếu tố kích phát sự tiêu cực rất lớn đối với những cá nhân này. Do vậy, hãy đảm bảo rằng bạn có quyền tự do và quyền được đưa ra lựa chọn trong sự nghiệp của mình.

4.6. Động lực Truyền thống (Traditional Motivator)

Người có động lực này thích giữ gìn và tôn trọng các giá trị và truyền thống đã có từ trước. Họ coi trọng sự ổn định và tuân thủ các quy tắc và quy định, và thích làm việc trong môi trường có tính chất truyền thống, ổn định và không muốn thay đổi nhanh chóng.

Những người có yếu tố động lực Truyền thống cao cần một môi trường mà niềm tin/đức tin của họ được công nhận và tôn trọng. Họ không nhất thiết cần được chia sẻ cùng mọi người niềm tin của mình – nhưng sự thừa nhận và tôn trọng là điều cốt yếu để xây dựng một mối quan hệ lành mạnh. Nếu bạn là một người có yếu tố Truyền thống cao, hãy tìm kiếm các cơ hội giúp bạn cảm thấy mình có giá trị và/hoặc cho phép bạn chia sẻ niềm tin ấy. Bạn sẽ thấy vui khi có một nhóm người cùng chí hướng để chia sẻ hệ thống niềm tin cụ thể của mình. Cho dù đó là văn hóa, tôn giáo hay lối suy nghĩ, bạn nên tìm những tổ chức nơi bạn có thể gặp được những người này.

Trong môi trường làm việc, những người có động lực Truyền thống thường đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và truyền bá các giá trị và truyền thống của tổ chức. Tuy nhiên, họ cũng cần phải sẵn sàng thích nghi với những thay đổi và sáng tạo để tồn tại và phát triển.

Chúc mừng bạn đã hoàn thành 4 nội dung chính của việc quan trọng đầu tiên trong hành trang du học, đó là Hiểu bản thân, thông qua việc xác định sở thích nghề nghiệp; học lực; các yếu tố gia đình, kinh tế, xã hội; và động lực nghề nghiệp của bạn. Việc Hiểu bản thân sẽ là nền tảng vững chắc cho Phần II của tài liệu này, đó là Tìm hiểu thị trường lao động, là phần giúp bạn tìm được nhóm ngành nghề phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình từ 4 nội dung Hiểu bản thân ở trên.



PHẦN II: TÌM HIỂU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Giới thiệu

Ở Phần I chúng ta đã hoàn thành bước hiểu mình bằng việc xác định được 3 nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland), tìm hiểu yếu tố học lực, kinh tế, xã hội, gia đình, và động lực/giá trị nghề nghiệp. Chúng ta sẽ nhắc lại các yếu tố học lực, kinh tế, xã hội, gia đình ở **Phần IV - Tìm hiểu các điểm đến phù hợp và ra quyết định**. Trong Phần II này, chúng ta sẽ tập trung vào 2 nội dung chính:

- ❖ Kết nối 3 nhóm sở thích Holland vào Bản đồ thế giới nghề nghiệp bằng cách xác định “tên” của 3 đến 5 nhóm ngành nghề phù hợp nhất với bản thân ở thời điểm hiện tại.
- ❖ Hướng dẫn chi tiết cách tìm hiểu “ruột” của một số nghề cụ thể.

2. Bản đồ thế giới nghề nghiệp

Bản đồ thế giới nghề nghiệp là công trình nghiên cứu của tiến sỹ Dale Prediger và nhóm nghiên cứu tại công ty ACT (công ty chuyên làm các bài kiểm tra đầu vào đại học tại Hoa Kỳ). Theo nghiên cứu này, có sự tương quan rất chặt chẽ giữa 6 nhóm sở thích Holland với 6 khối ngành nghề trên Bản đồ thế giới nghề nghiệp. Khi bạn xác định được 3 nhóm sở thích Holland cao nhất của mình, bạn cũng sẽ xác định được 3 khối ngành nghề có thể phù hợp với bản thân.

Bước 1: Tìm hiểu 4 nhiệm vụ công việc

Xem video giới thiệu tổng quan về Bản đồ thế giới nghề nghiệp ở đường link https://youtu.be/qt_PoVLGFFU và thực hiện các công việc sau:

- ❖ Liệt kê 4 nhiệm vụ công việc và các “từ khóa” (được đề cập trong video vào Biểu mẫu 1 bên dưới).

Biểu mẫu 1: Liệt kê 4 nhiệm vụ công việc

Tên nhiệm vụ công việc	Từ khóa
<i>Ví dụ: Dữ liệu</i>	<i>Sự kiện, con số, tập hồ sơ, tài khoản, quy trình kinh doanh</i>

- ❖ Cân nhắc xem mình sẽ thích (ưu tiên) nhiệm vụ công việc nào và điền vào Biểu mẫu 2.

Biểu mẫu 2: Nhiệm vụ công việc ưu tiên

Ưu tiên	Tên nhiệm vụ công việc
1	

2	
3	
4	

Bước 2: Xác định khối ngành nghề tương ứng với nhóm sở thích

- ❖ Quay lại kết quả ở Phần I với các nhóm sở thích Holland cao nhất của bản thân. Sao chép 3 nhóm Holland mạnh nhất của bạn vào cột A trong Biểu mẫu 3 bên dưới (mỗi nhóm ở 1 ô).
- ❖ Xem tiếp video giới thiệu tổng quan về Bản đồ thế giới nghề nghiệp ở link https://youtu.be/qt_PoVLGFFU, chọn và điền tên của 3 khối ngành nghề (bạn ấn tượng/mong muốn làm nhất) tương ứng với 3 nhóm sở thích nghề nghiệp của bạn vào cột B trong Biểu mẫu 3.

Biểu mẫu 3: Khối ngành nghề tương ứng với nhóm sở thích

	A. 3 nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland) của tôi	B. 3 khối ngành nghề phù hợp với tôi
Ví dụ	<i>Quản lý</i>	<i>Khối ngành Quản trị & Bán hàng</i>
1		
2		
3		
4		

Bước 3: Xác định các nhóm ngành nghề phù hợp

- ❖ Lấy thông tin từ cột B của [Biểu mẫu 3](#) ở trên để điền vào cột A trong Biểu mẫu 4 ở dưới.
- ❖ Xem video của 3 khối ngành nghề phù hợp với bản thân và điền tên 3 nhóm ngành nghề có thể phù hợp với bạn vào cột B trong Biểu mẫu 4 ở bên dưới. Nếu bạn tìm ra nhiều hơn 3 nhóm ngành nghề có thể phù hợp với bạn, hãy ghi ra hết.
 - Nhóm Holland Quản lý - Khối ngành Quản trị & Bán hàng: <https://youtu.be/5BoOceuzUBo>
 - Nhóm Holland Nghiệp vụ - Khối ngành Vận hành Kinh doanh: <https://youtu.be/PyNkgGx5BF0>

- Nhóm Holland Kỹ thuật - Khối ngành Thuộc Kỹ thuật:
<https://youtu.be/hWOSBPGK5DE>
- Nhóm Holland Nghiên cứu - Khối ngành Khoa học & Công nghệ:
<https://youtu.be/VDtpoTVVtHU>
- Nhóm Holland Nghệ thuật - Khối ngành Nghệ thuật:
<https://youtu.be/vpXdxzqGqGM>
- Nhóm Holland Xã hội - Khối ngành Dịch vụ Xã hội:
<https://youtu.be/Nq7GJJwnXk8>

Biểu mẫu 4: Các nhóm ngành nghề có thể phù hợp

	A. 3 khối ngành nghề phù hợp với tôi	B. Các nhóm ngành nghề có thể phù hợp với tôi
Ví dụ	<i>Khối ngành Quản trị & Bán hàng</i>	<i>Nhóm ngành A. Dịch vụ liên quan đến nhân sự, Nhóm ngành C. Quản lý</i>
1		
2		
3		

Bước 4: Xác định 3 tên nghề phù hợp

- ❖ Chọn lại 3 nhóm ngành nghề bạn cảm thấy phù hợp nhất ở cột B trong Biểu mẫu 4 và điền vào cột A trong Biểu mẫu 5.

Biểu mẫu 5: 3 tên nghề có thể phù hợp

	A. 3 nhóm ngành nghề có thể phù hợp với tôi	B. Các tên nghề có thể phù hợp với tôi	C. 3 tên nghề phù hợp nhất với tôi
Ví dụ	<i>Nhóm ngành A. Dịch vụ liên quan đến Nhân sự</i>	<i>Chuyên viên Nhân sự Cán bộ quan hệ lao động Chuyên viên Talent Acquisition</i>	
1	_____	_____ _____ _____	_____ _____ _____

2	----- -----	----- ----- -----	
3	----- -----	----- ----- -----	
4	Không biết phân nhóm ngành nghề nào	----- ----- -----	

- ❖ Từ mỗi nhóm ngành nghề ở hàng 1, 2, và 3 trong cột A, hãy chọn ra 3 tên nghề có thể phù hợp với bạn theo các cách sau và viết 3 tên nghề ấy vào hàng tương ứng trong cột B:

Cách 1:

Xem Danh mục ngành nghề sắp xếp theo bản đồ thế giới nghề nghiệp tại link (tiếng Việt) https://drive.google.com/file/d/161mUsQOxFcrOe9uIP7-mRp6_hVbi9_6A/view hoặc <https://bit.ly/danhmuc26nhomnganhngheEnglish> (tiếng Anh, trang 13 và 14), đọc tên các nghề tiêu biểu trong danh sách của nhóm ngành nghề tương ứng và chọn ra ít nhất một tên nghề có thể phù hợp với bạn.

Cách 2:

Xem Mục lục 199 tên nghề trong Sách tra cứu nghề ILO Việt Nam tại link https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_756142.pdf từ trang 7 đến trang 14 để chọn ra ít nhất 1 tên nghề có thể phù hợp với bạn, dựa trên thứ tự ưu tiên 4 nhiệm vụ công việc của bạn trong [Biểu mẫu 2](#) và nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland) của bạn trong [Biểu mẫu 3](#).

Lưu ý: Khi sử dụng Sách tra cứu nghề ILO Việt Nam này, bạn đừng để ý tên các nhóm nghề (ví dụ: Nhóm Nghề Ngôn Ngữ) mà chỉ quan tâm đến tên 199 nghề thôi.

Cách 3:

Nếu có 1 số tên nghề bạn thích nhưng bạn không tìm thấy trong tài liệu ở Cách 1 và Cách 2, hãy dùng Google Search để tìm tên nghề phù hợp dựa trên thứ tự ưu tiên 4 nhiệm vụ công việc của bạn trong [Biểu mẫu 2](#) và 3 nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland) của bạn trong [Biểu mẫu 3](#).

Cách 4:

Đối với các bạn quan tâm đến một quốc gia du học cụ thể, có thể tra cứu tên nghề bằng các trang dữ liệu nghề nghiệp của một số quốc gia tương ứng:

➤ **O*NET Online (Mỹ)**

- Truy cập vào link: <https://www.onetonline.org/>
- Chọn Interest trong mục Browse by O*Net Data

- Bấm chọn 1 sở thích bất kỳ, trang sẽ chuyển đến nội dung cho phép chọn bộ 3 sở thích nổi trội của bản thân (R:KT, I:NC, A:NT, S:XH, E:QL, C:NV)

- Xem danh sách nghề hiển thị và lựa chọn nghề mình thích.

Lưu ý bạn có thể chọn 3 hoặc 2 sở thích tùy vào kết quả Holland

➤ **National Career Service (UK)**

- Truy cập vào link:

<https://nationalcareers.service.gov.uk/explore-careers>

- Lướt vào từng danh mục dưới mục Explore by job category
- Xem hết các tên nghề hiển thị và lựa chọn nghề mình thích.

➤ **Your Career (Úc)**

- Truy cập vào link: <https://www.yourcareer.gov.au/occupations>

- Gõ tên nghề mình thích vào mục Keyword hoặc

- Lướt xem hết danh mục hơn 1200 nghề hiển thị trên trang và chọn nghề mình thích.

➤ **Career.govt.nz (New Zealand)**

- Truy cập vào link: <https://www.careers.govt.nz/jobs-database/>

- Lướt vào từng danh mục dưới mục Search for jobs by industry

- Xem hết các tên nghề hiển thị và lựa chọn nghề mình thích.

➤ **The National Occupational Classification (NOC) (Canada)**

- Truy cập vào link: <https://noc.esdc.gc.ca/Structure/Hierarchy>

- Chọn mục View hierarchy and structure

- Xem hết các tên nghề hiển thị và lựa chọn nghề mình thích.

➤ **My Skills Future (Singapore)**

- Truy cập vào link:

<https://www.myskillsfuture.gov.sg/content/student/en/preu/world-of-work/occupation.html>

- Nhấn vào Browse by Industries

- Lướt chọn các danh mục nghề

- Xem hết các nghề cụ thể trong từng danh mục và lựa chọn nghề mình thích.

Lưu ý: Trong khi tìm hiểu tên nghề theo cách 2, 3, và 4 ở trên, nếu bạn thấy một số tên nghề có vẻ phù hợp với bản thân mà chưa biết nó thuộc vào nhóm ngành nghề nào thì bạn cứ để nó vào dòng 4 của cột B.

Bây giờ, bạn hãy xem lại tất cả các tên nghề bạn đã liệt kê trong cột B để chọn ra 3 tên nghề bạn thấy phù hợp nhất và điền vào cột C trong [Biểu mẫu 5](#).

3. Cách tìm hiểu ruột nghề

Vì tên nghề chưa phản ánh đầy đủ công việc trong thực tế nên việc tìm hiểu chi tiết hơn về tính chất bên trong của công việc (nói nôm na là “ruột nghề”) sẽ giúp bạn xác định được liệu nghề đó có phù hợp với bản thân không.

Thông thường việc tìm hiểu cụ thể ruột nghề có thể thực hiện bằng 3 cách như sau:

- ❖ Tìm hiểu qua kênh thông tin
- ❖ Tìm hiểu qua con người
- ❖ Tìm hiểu qua trải nghiệm bản thân

Hướng dẫn thực hiện 3 cách tìm hiểu nghề trên đã được ghi chi tiết tại bit.ly/timhieunghe.

Những thông tin cần lưu ý khi tìm hiểu ruột nghề:

- ❖ Nhiệm vụ công việc
- ❖ Kỹ năng yêu cầu
- ❖ Kiến thức cần trang bị
- ❖ Học vấn cần đạt được

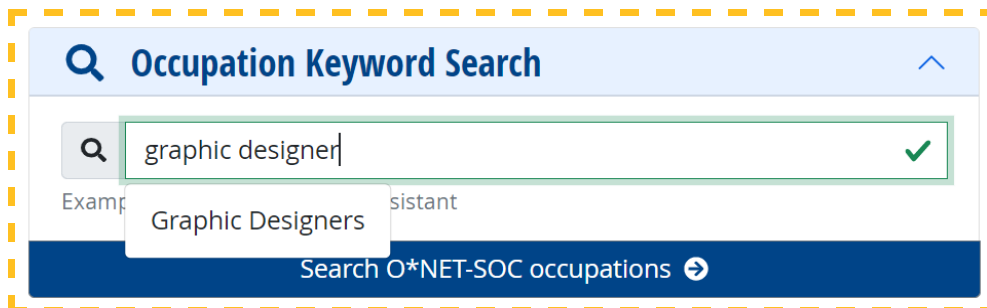
Ngoài ra, tùy vào thời gian và đặc thù từng nghề nghiệp, bạn có thể tìm hiểu thêm các yếu tố như giá trị nghề nghiệp, kỹ năng về công nghệ, v.v. có liên quan đến công việc.

Với các bạn còn nhiều thời gian thì hãy chú ý điều này. Bước tìm hiểu ruột nghề là bước cần bạn kiên trì và nhẫn nại. Vì cần nhiều thời gian và công sức nên bạn không cần phải gấp gáp trong bước này. Thay vào đó, bạn hãy chia đều nhiệm vụ ra để thực hiện (ví dụ như mỗi tuần dành ra 2 giờ vào chiều Chủ Nhật cho nhiệm vụ này). Hãy xem đây là một dự án cho lợi ích tương lai, và hãy tìm hiểu ngành nghề với sự tò mò nghiêm túc dành cho hành trình phát triển cả đời của mình.

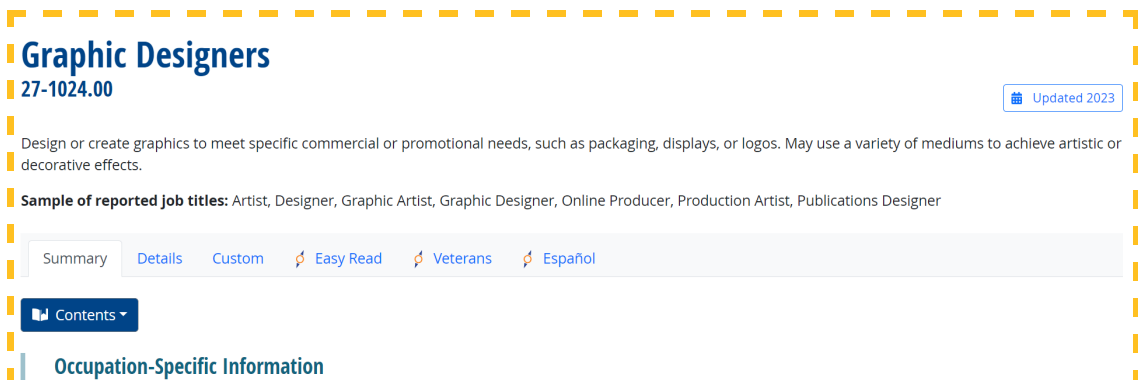
Gợi ý tìm hiểu ruột nghề sử dụng kênh tài nguyên của các nước:

❖ **Mỹ - O*NET**

- Truy cập vào: <https://www.onetonline.org/>
- Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào mục Occupation Keyword Search và nhấn Enter
Ví dụ: tên nghề ở cột C là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter



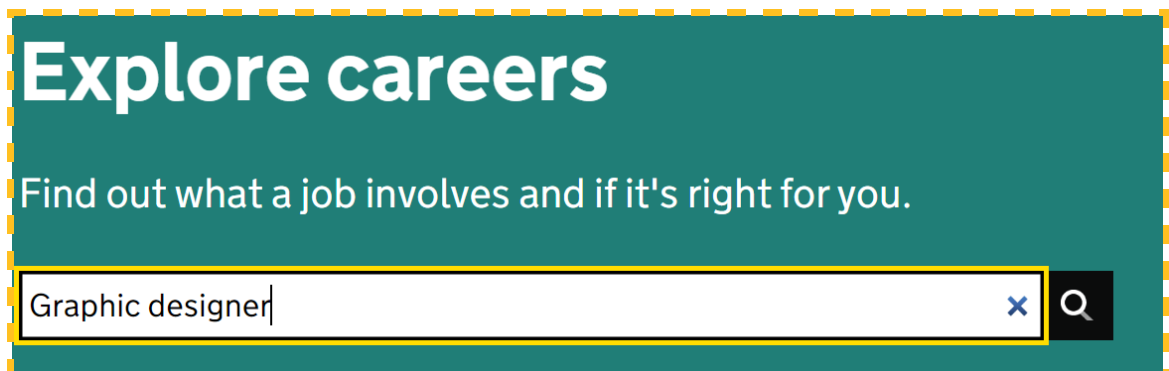
- Trang sẽ hiển thị báo cáo về nghề nghiệp tương ứng:



- Chọn mục Details để xem được báo cáo chi tiết. Lần lượt xem hết các thông tin về Task, Technology Skills, Work Activities, Skills, Knowledge, Education, Abilities, Interest, v.v. để có góc nhìn sâu hơn về nghề
- Ghi các thông tin đáng chú ý vào các cột tương ứng của [Biểu mẫu 6](#) (bạn hoàn toàn có thể điều chỉnh biểu mẫu, thêm các cột thông tin phù hợp với nhu cầu tìm hiểu và lưu trữ của bản thân).

❖ **UK - National Career Service**

- Truy cập vào: <https://nationalcareers.service.gov.uk/explore-careers>
- Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào ô tìm kiếm bên dưới mục Find out what a job involves and if it's right for you và nhấn Enter
Ví dụ: tên nghề ở cột C là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter



- Trang sẽ hiển thị một số vị trí công việc liên quan:

Search results for

Graphic designer



203 results found

Graphic designer

Graphic designers create visual branding, adverts, brochures, magazines, website designs, product packaging and displays.

Salary: £18,000 to £35,000

Found in: [Creative and media](#)

Product designer

Industrial designer, 3D designer, prototype designer, inventor

Product designers create new products and improve existing ones.

Salary: £22,000 to £45,000

- Chọn một nghề nghiệp mà mình đang tìm (trong ví dụ là graphic designer). Trang sẽ hiển thị như bên dưới:

Graphic designer

Graphic designers create visual branding, adverts, brochures, magazines, website designs, product packaging and displays.

Average salary (a year)



£18,000

£35,000

Starter

Experienced



Typical hours (a week)

37 to 40

a week

You could work



evenings
occasionally

- Kéo xuống phía dưới trang, lần lượt đọc các thông tin có liên quan và ghi chú vào [Biểu mẫu 6](#).

[Open all](#)

How to become +

Explore the different ways to get into this role.

What it takes +

Find out what skills you'll use in this role.

What you'll do +

Discover the day to day tasks you'll do in this role.

Career path and progression +

Look at progression in this role and similar opportunities.

Current opportunities +

Find apprenticeships, courses and jobs available near you.

❖ **Úc - Your Career**

- Truy cập vào: <https://www.yourcareer.gov.au/occupations>
- Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào ô tìm kiếm và nhấn Enter
Ví dụ: tên nghề ở cột C là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter

Keyword	Location	Search
<input style="width: 90%;" type="text" value="graphic designer"/>	<input style="width: 90%;" type="text" value="Australia"/>	<input type="button" value="Search"/>

- Trang tìm kiếm sẽ hiện ra rất nhiều nghề có liên quan, chọn nghề đang muốn tìm (ở đây là graphic designer)

Graphic Designer

Design imagery and documents that fulfill a commercial or communication need.

On this page

[Overview](#)

[How to become a Graphic Designer](#)

[Short courses available](#)

[Skills employers are looking for](#)

➤ Lần lượt đọc các thông tin cần thiết và ghi vào [Biểu mẫu 6](#).

❖ New Zealand - National Career Service

➤ Truy cập vào: <https://www.careers.govt.nz/jobs-database/>

➤ Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào ô tìm kiếm bên dưới mục Search for a job you'll love và nhấn Enter

Ví dụ: tên nghề ở cột C là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter

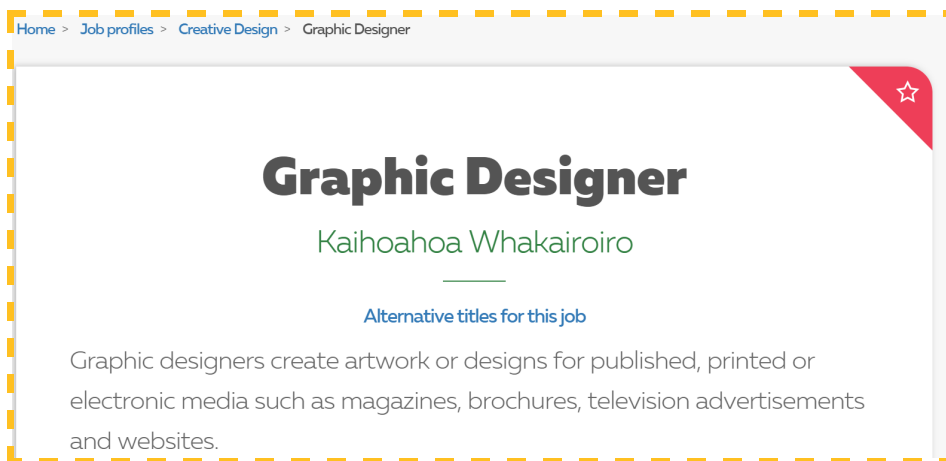
Search for a job you'll love

Our jobs database has all the information you'll need to discover career possibilities and explore the job market.

graphic designer|



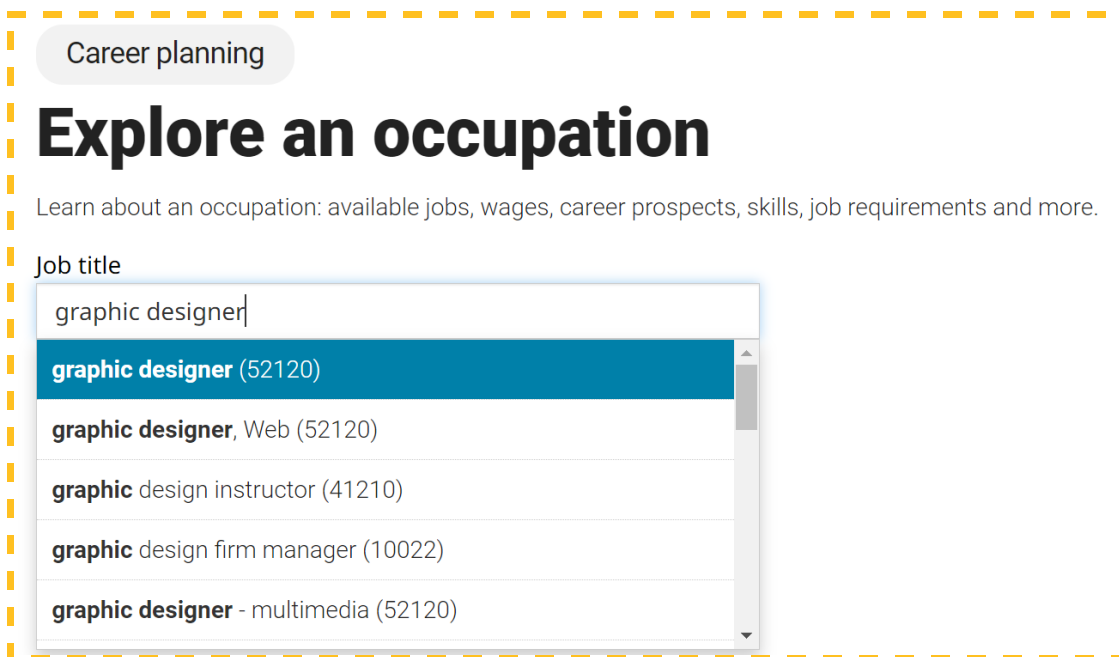
➤ Trang sẽ hiển thị một số ngành nghề liên quan, chọn một nghề tương ứng (ở đây là graphic designer), trang sẽ hiển thị như bên dưới:



- Lướt đọc, chọn các thông tin liên quan và ghi vào [Biểu mẫu 6](#).

❖ Canada - Job Bank

- Truy cập vào: <https://www.jobbank.gc.ca/career-planning/search-job-profile>
- Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào ô tìm kiếm bên dưới mục Explore an occupation và nhấn Search
Ví dụ: tên nghề ở cột C là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Search



- Trang sẽ hiển thị thông tin về nghề graphic designer như bên dưới:

SUMMARY

Graphic Designer in Canada

i National Occupational Classification update

We have updated this page to reflect the transition to the [2021 version of the National Occupational Classification \(NOC\)](#). This means that the occupation "Graphic Designer" was moved from the group **Graphic designers and illustrators (NOC 5241)** to the group **Graphic designers and illustrators (NOC 52120)**.

Find key facts and figures about working as a graphic designer. The following information is applicable to all Graphic designers and illustrators (NOC 52120).

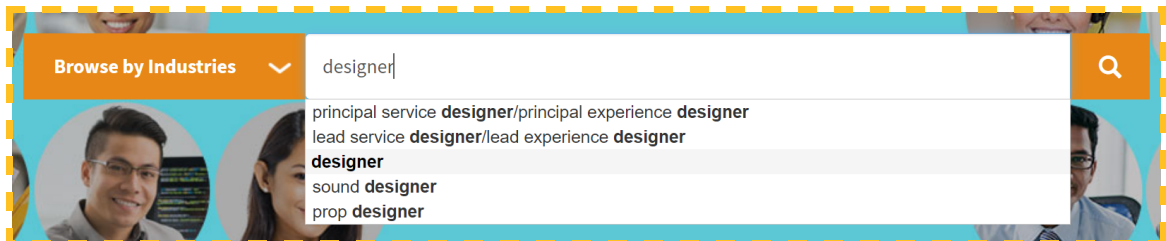
Summary Description Wages Prospects Jobs Requirements Skills Search

Note that some information in this job profile is based on the 2016 version of the NOC.

➤ Lần lượt đọc, chọn các thông tin liên quan và ghi vào [Biểu mẫu 6](#).

❖ Singapore - My Skills Future

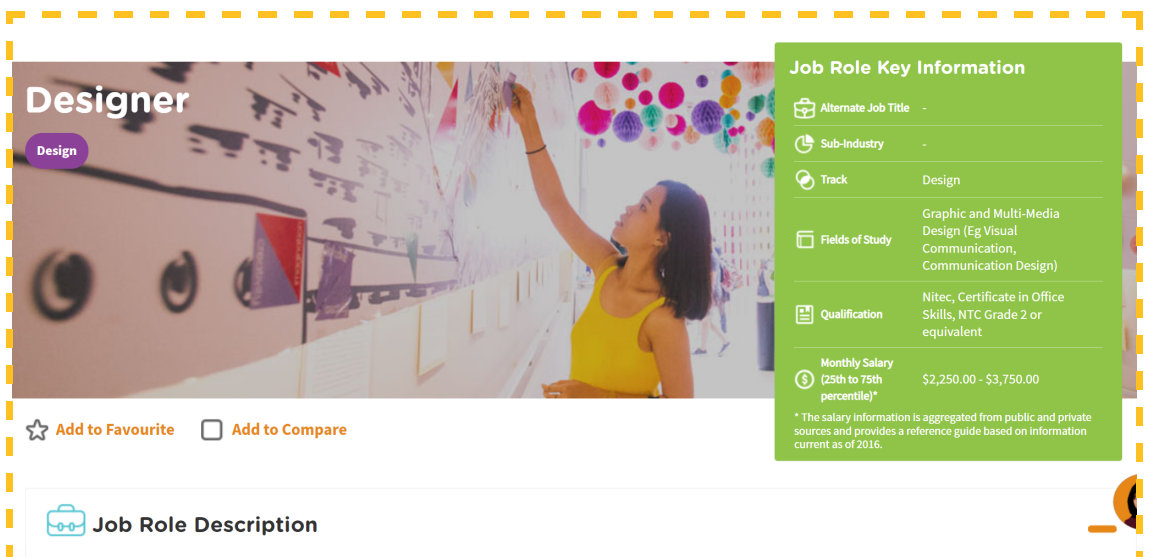
- Truy cập vào: <https://www.myskillsfuture.gov.sg/content/student/en/preu/world-of-work/occupation.html>
- Gõ tên nghề ở cột C của [Biểu mẫu 5](#) vào ô tìm kiếm bên dưới mục Explore an occupation và nhấn Search
Ví dụ: tên nghề ở cột C là designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Search



Browse by Industries

- principal service **designer**/principal experience **designer**
- lead service **designer**/lead experience **designer**
- designer**
- sound **designer**
- prop **designer**

➤ Trang sẽ hiển thị rất nhiều vị trí công việc có liên quan, chọn một vị trí phù hợp (ở đây ta chọn designer)



Designer

Design

Job Role Key Information

- Alternate Job Title -
- Sub-Industry -
- Track Design
- Fields of Study Graphic and Multi-Media Design (Eg Visual Communication, Communication Design)
- Qualification Nitec, Certificate in Office Skills, NTC Grade 2 or equivalent
- Monthly Salary (25th to 75th percentile)* \$2,250.00 - \$3,750.00

* The salary information is aggregated from public and private sources and provides a reference guide based on information current as of 2016.

Job Role Description

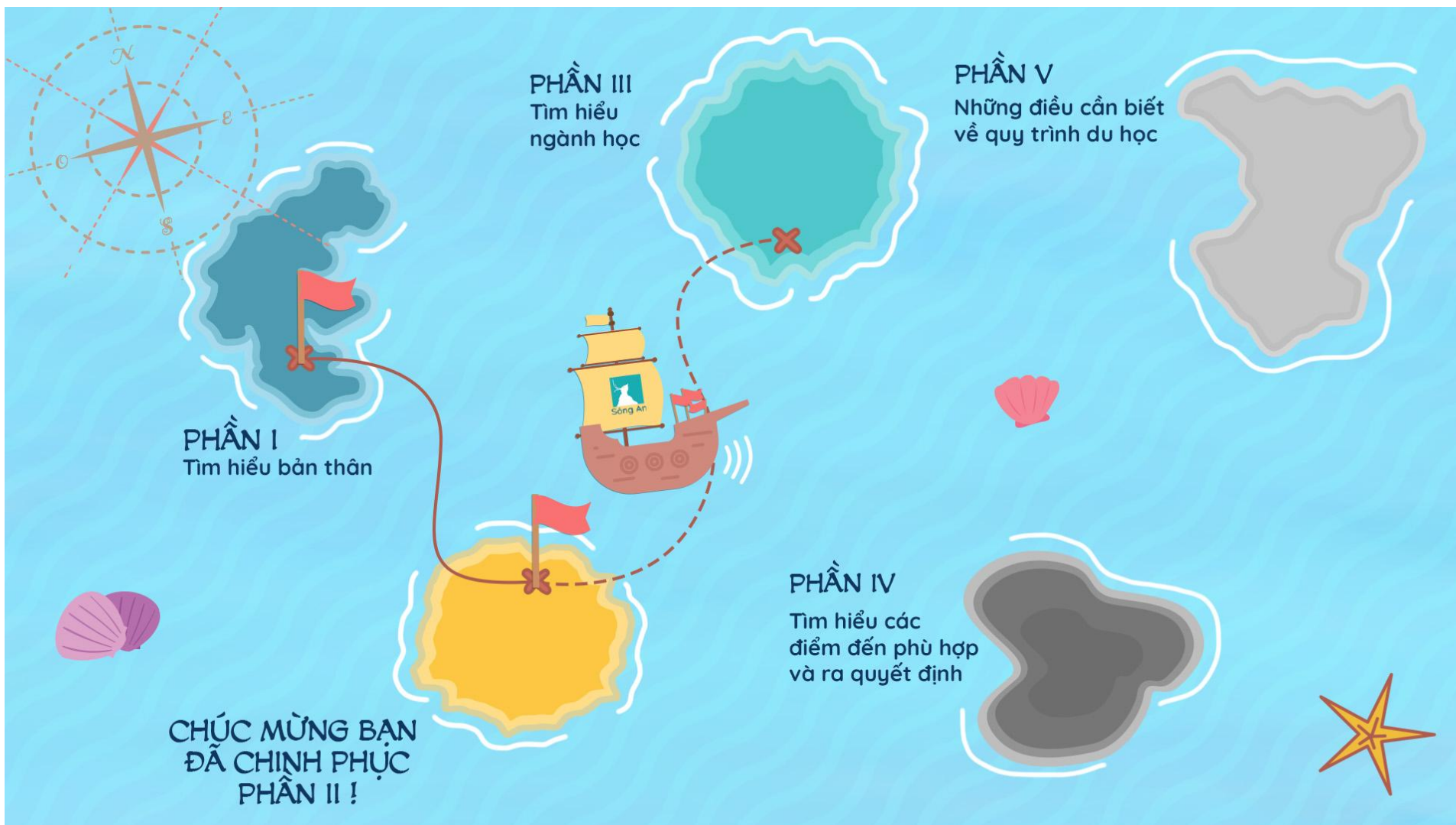
➤ Đọc các thông tin hiển thị có liên quan và ghi vào [Biểu mẫu 6](#).

Lưu ý: Nếu các từ khóa bạn nhập vào mà không cho ra kết quả tìm kiếm, hãy thử lại bằng cách thay đổi bằng một từ đồng nghĩa, cách gọi thay thế hoặc bất kỳ nghề nghiệp nào bạn nghĩ rằng có thể liên quan.

Biểu mẫu 6: Tìm hiểu ruột nghề

Các nghề nghiệp/ công việc có thể chọn	Nhiệm vụ	Kỹ năng	Kiến thức
----- ---	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----
----- ---	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----
----- ---	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----	----- ----- ----- ----- ----- ----- ----- -----

Kết thúc Phần II, bạn đã xác định được 3 tên nghề mà bạn yêu thích cùng với những thông tin chi tiết về ruột nghề tương ứng. Việc chỉ ra được những tên nghề là rất cần thiết để chúng ta tiếp tục tìm các ngành học phù hợp ở phần tiếp theo.



PHẦN III: TÌM HIỂU NGÀNH HỌC

1. Giới thiệu

Sau khi xác nhận được 3 nhóm sở thích nghề nghiệp (nhóm Holland) và gọi tên được 3 tên nghề có thể phù hợp với bản thân, bạn có thể tìm hiểu ngành học phù hợp với bản thân và chi tiết về “ruột ngành”. Bạn hãy cùng chúng tôi thực hiện các bước kế tiếp để xác định được tên 3 ngành học có thể phù hợp với mình và ruột ngành nhé.

2. Tìm hiểu ngành học

Bước 5: Xác định 3 ngành học phù hợp

Lấy thông tin từ cột C của [Biểu mẫu 5](#) ở trên để điền vào cột A trong Biểu mẫu 7 ở dưới.

Biểu mẫu 7: 3 ngành học có thể phù hợp

	A. 3 tên nghề có thể phù hợp với tôi	B. Tên 3 ngành học có thể phù hợp với tôi
1	-----	-----
2	-----	-----
3	-----	-----

Dựa trên 3 tên nghề có thể phù hợp với bạn, hãy thực hiện các bước sau:

❖ Mỹ

Cách 1: Sử dụng O*NET

- Thực hiện các bước tương tự như tìm hiểu ruột nghề
- Khi vào đến báo cáo nghề nghiệp tương ứng, kéo xuống mục Training & Credentials

Training & Credentials

State training

Local training

Certifications

Apprenticeships Have a career path or location in mind? Visit [Apprenticeship.gov](https://www.apprenticeship.gov) to find apprenticeship opportunities near you.

- Lần lượt chọn các tiểu bang mà bản thân muốn tìm kiếm tại mục State training
- Trang sẽ hiển thị các ngành đào tạo và các trường đào tạo tương ứng, chọn ra tên 1 ngành học có thể phù hợp với bạn và ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

Oregon Training
27-1024.00 - [Graphic Designers](#)

Programs for state: Oregon

Programs near ZIP Code:

26 training programs shown Show programs:

Program	School	Recent Graduates
Graphic Design	Portland State University Portland, Oregon	83 Bachelor's degree
Web Page, Digital/Multimedia and Information Resources Design	Portland Community College Portland, Oregon	7 Less than 12 weeks certificate 16 Less than one year certificate 13 One but less than two years certificate 36 Associate's degree
Web Page, Digital/Multimedia and Information Resources Design	Klamath Community College Klamath Falls, Oregon	32 Less than one year certificate 17 One but less than two years certificate 9 Associate's degree

Cách 2: Sử dụng Career One Stop

- Truy cập vào link:
<https://www.careeronestop.org/Toolkit/Training/find-local-training.aspx>
- Gõ từ khóa tên nghề cần tìm kiếm và chọn 1 tiểu bang, sau đó nhấn Search như hình bên dưới:

Enter a type of job or training, or the name of a school. Then enter your city, state, or ZIP code and click "Search."

Search by Occupation, School, or Program	Location
<input type="text" value="graphic designer"/>	<input type="text" value="Oregon"/>
	<ul style="list-style-type: none"> Oregon Oregon, IL Oregon, MO Oregon, OH Oregon, WI Oregon City, OR

- Trang sẽ hiển thị tất cả các ngành học và các trường đào tạo tương ứng như bên dưới. Lần lượt xem hết các chương trình đào tạo và chọn ra tên 1 ngành học có thể phù hợp với bạn, sau đó ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

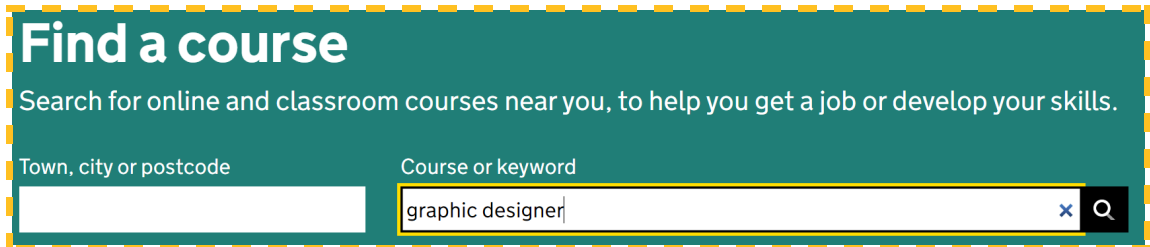
Search by Occupation, School, or Program	Location
<input type="text" value="graphic designer"/>	<input type="text" value="Oregon"/>

We found **384** training program(s) for **graphic designer** in **Oregon**.

School Name/Location	Program Name	Length / Graduates
George Fox University Newberg, OR	Graphic Design	4 years / 7
Mt Hood Community College Gresham, OR	Graphic Design	2 years / 9 Certificates of at least 12 weeks but less than 1 year / 12
Portland State University Portland, OR	Graphic Design	4 years / 83
Pacific Northwest College of Art Portland, OR	Graphic Design	4 years / 3

❖ UK - National Career Service

- Truy cập vào link: <https://nationalcareers.service.gov.uk/find-a-course/search>
- Gõ từ khóa tên nghề mà mình muốn tìm kiếm và nhấn Enter

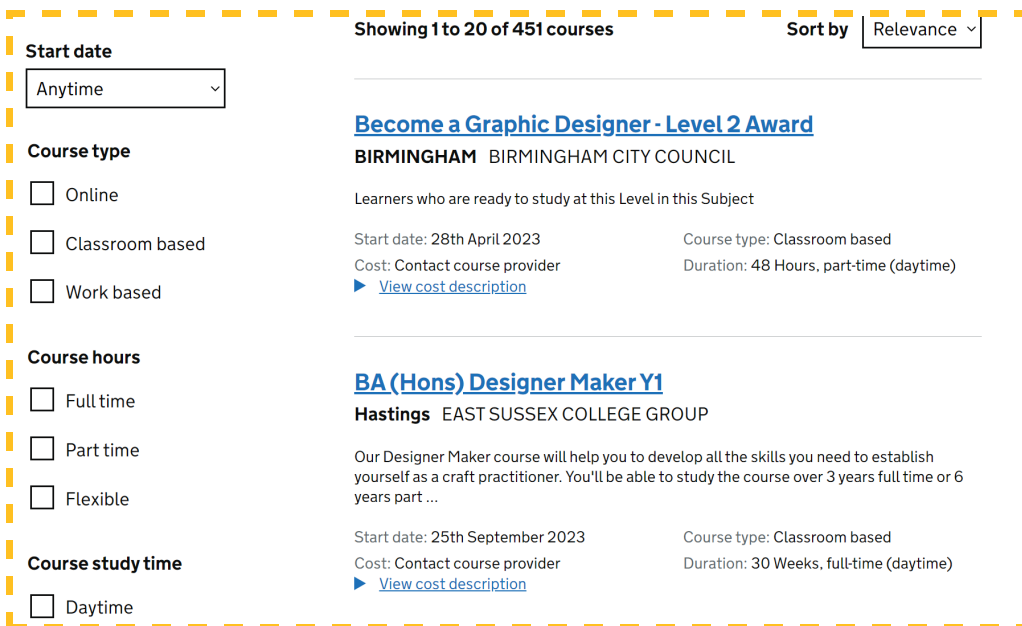


Find a course
Search for online and classroom courses near you, to help you get a job or develop your skills.

Town, city or postcode:

Course or keyword:

- Trang sẽ hiển thị rất nhiều khóa học tương ứng ở bên phải màn hình và các thông tin hỗ trợ thu hẹp tìm kiếm ở bên trái màn hình



Showing 1 to 20 of 451 courses Sort by Relevance

Start date
Anytime

Course type
 Online
 Classroom based
 Work based

Course hours
 Full time
 Part time
 Flexible

Course study time
 Daytime

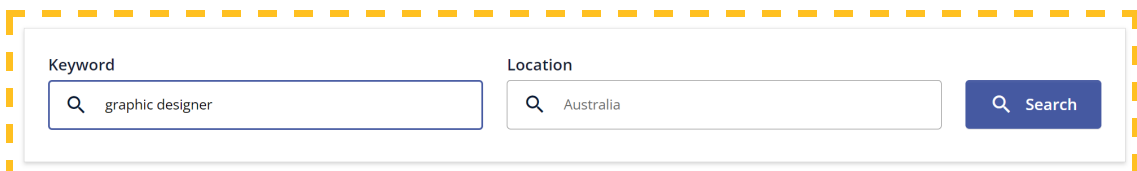
Become a Graphic Designer - Level 2 Award
BIRMINGHAM BIRMINGHAM CITY COUNCIL
Learners who are ready to study at this Level in this Subject
Start date: 28th April 2023 Course type: Classroom based
Cost: Contact course provider Duration: 48 Hours, part-time (daytime)
[View cost description](#)

BA (Hons) Designer Maker Y1
Hastings EAST SUSSEX COLLEGE GROUP
Our Designer Maker course will help you to develop all the skills you need to establish yourself as a craft practitioner. You'll be able to study the course over 3 years full time or 6 years part ...
Start date: 25th September 2023 Course type: Classroom based
Cost: Contact course provider Duration: 30 Weeks, full-time (daytime)
[View cost description](#)

- Bạn hãy xem xét hết các tên ngành học và ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

❖ Úc - Your Career

- Truy cập vào: <https://www.yourcareer.gov.au/occupations>
- Gõ tên nghề vào ô tìm kiếm và nhấn Enter
Ví dụ: tên nghề ở cột A là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter



Keyword:

Location:

- Trang tìm kiếm sẽ hiện ra rất nhiều nghề có liên quan, chọn nghề đang muốn tìm (ở đây là graphic designer)

Graphic Designer

Design imagery and documents that fulfill a commercial or communication need.

On this page

[Overview](#)

[How to become a Graphic Designer](#)

[Short courses available](#)

[Skills employers are looking for](#)

➤ Tại trang hiển thị, kéo xuống gần cuối trang sẽ thấy mục How to become...

How to become a Graphic Designer

● Formal qualifications are highly regarded by employers.

Find a [certificate or diploma in graphic design](#) ↗

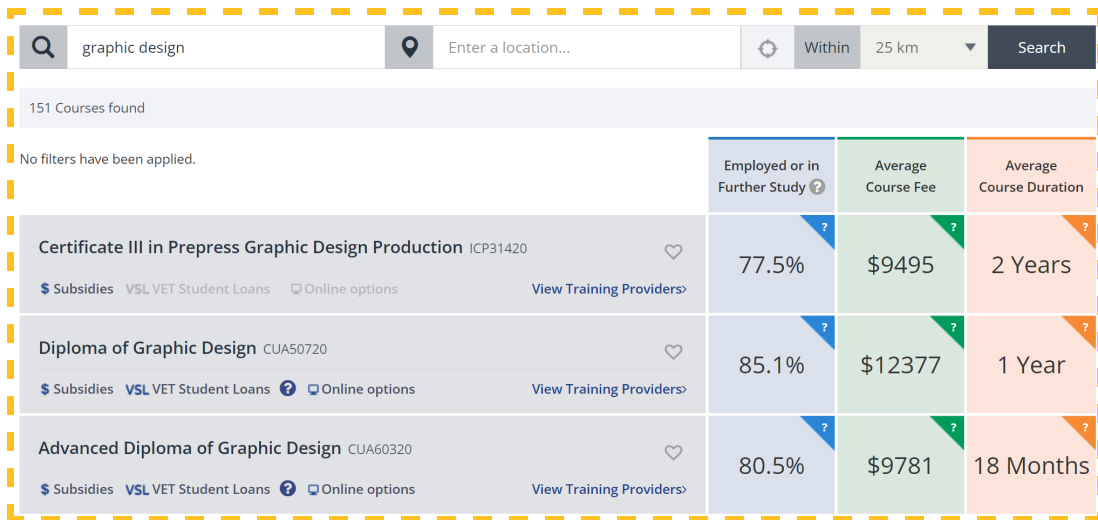
Find a [diploma or bachelor degree in graphic design](#) ↗

● [Apply for a job as a graphic designer](#) ↗

● Interested in developing your digital skills? Try one of 2000 free online courses at [SkillFinder.com.au](#) ↗

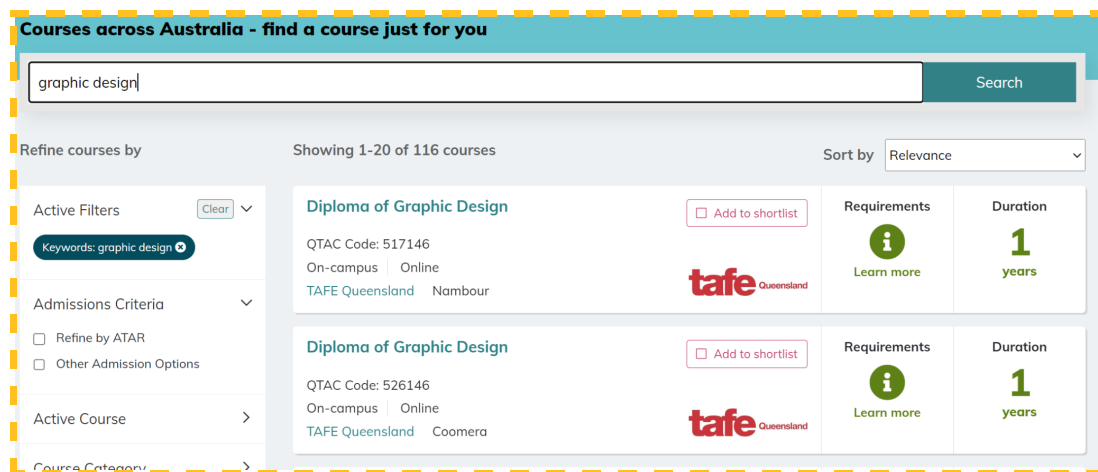
SkillFinder is a project funded by the Australian Government, through the Digital Skills Platform Program.

- Nếu muốn tìm các tên ngành và khóa học theo hệ nghề thì chọn mục Find a certificate or diploma in graphic design
- Trang sẽ chuyển đến nền tảng dữ liệu My Skills



	Employed or in Further Study ?	Average Course Fee	Average Course Duration
Certificate III in Prepress Graphic Design Production ICP31420 Subsidies VSL VET Student Loans Online options View Training Providers>	77.5%	\$9495	2 Years
Diploma of Graphic Design CUA50720 Subsidies VSL VET Student Loans Online options View Training Providers>	85.1%	\$12377	1 Year
Advanced Diploma of Graphic Design CUA60320 Subsidies VSL VET Student Loans Online options View Training Providers>	80.5%	\$9781	18 Months

- Nếu muốn tìm các tên ngành và khóa học theo hệ học thuật thì chọn mục Find a diploma or bachelor degree in graphic design



Refine courses by	Showing 1-20 of 116 courses	Sort by
Active Filters: <input type="button" value="Clear"/> Keywords: graphic design Admissions Criteria: <input type="checkbox"/> Refine by ATAR <input type="checkbox"/> Other Admission Options Active Course: Course Category:	Diploma of Graphic Design <input type="button" value="Add to shortlist"/> QTAC Code: 517146 On-campus Online TAFE Queensland Nambour tafe Queensland Diploma of Graphic Design <input type="button" value="Add to shortlist"/> QTAC Code: 526146 On-campus Online TAFE Queensland Coomera tafe Queensland	Requirements: <input type="button" value="Learn more"/> Duration: 1 years

- Trang sẽ chuyển đến nền tảng dữ liệu Course Seeker
- Lưu ý, bạn hoàn toàn có thể vào thẳng trang My Skills tại <https://www.myskills.gov.au/courses/search/>, Course Seeker tại <https://www.courseseeker.edu.au/>, và Study Australia tại <https://www.studyaustralia.gov.au/english/study/find-a-course> để tìm kiếm tên ngành học nếu đã có các từ khóa tìm kiếm liên quan
- Cuối cùng, hãy xem xét hết các tên ngành học và ghi vào cột B của [Biểu mẫu 7](#).

❖ **New Zealand - National Career Service**

- Truy cập vào: <https://www.careers.govt.nz/jobs-database/>
- Gõ tên nghề ở cột A của [Biểu mẫu 7](#) vào ô tìm kiếm bên dưới mục Search for a job you'll love và nhấn Enter
Ví dụ: tên nghề ở cột A là graphic designer, gõ vào như bên dưới và nhấn Enter

Search for a job you'll love

Our jobs database has all the information you'll need to discover career possibilities and explore the job market.

graphic designer



- Trang sẽ hiển thị một số ngành nghề liên quan, chọn một nghề tương ứng (ở đây là graphic designer), trang sẽ hiển thị như bên dưới:

Home > Job profiles > Creative Design > Graphic Designer

Graphic Designer

Kaihoahoa Whakairoiro

Alternative titles for this job

Graphic designers create artwork or designs for published, printed or electronic media such as magazines, brochures, television advertisements and websites.

- Kéo xuống gần cuối trang, tìm đến mục Find out more about training và chọn Check out related courses

Find out more about training

Check out related courses

- Trang sẽ hiển thị danh sách các ngành học có liên quan

Related courses:

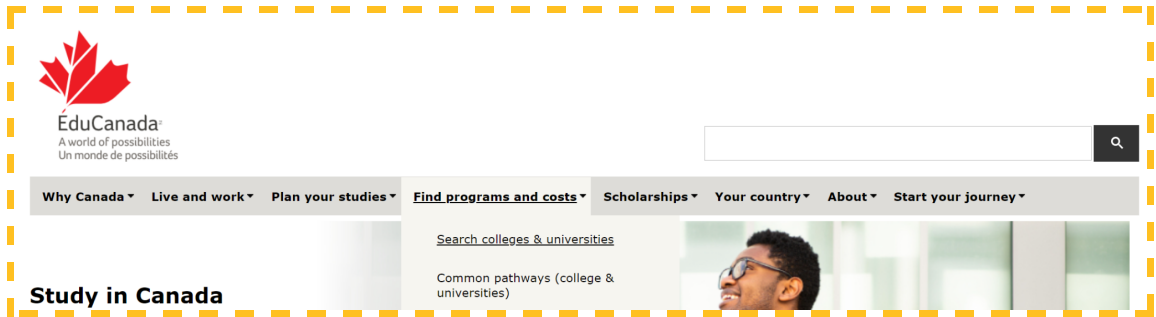
Graphic Arts and Design Studies

Multimedia Computing Science

- Lần lượt vào từng đường dẫn tương ứng để xem và lựa chọn các tên nghề phù hợp, ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

❖ Canada - Edu Canada

- Truy cập vào: <https://www.educanada.ca/index.aspx?lang=eng>
- Chọn mục Search colleges & universities bên dưới tab Find programs and costs



- Gõ một từ khóa liên quan đến tên nghề mình đã chọn vào mục Search by keyword
Ví dụ: tên nghề ở cột A [Biểu mẫu 7](#) là graphic designer, có thể gõ từ design như bên dưới và nhấn Enter

Field of Study (required)

Search by keyword

Filter All words ▾

- Lưu ý: Bên dưới mục Search by keyword có mục số 2, 3, và 4 nhằm tạo bộ lọc tìm kiếm tùy theo nhu cầu về ngôn ngữ học, cấp học, và tỉnh bang theo học, bạn có thể tùy chỉnh bộ lọc theo nhu cầu
- Trang sẽ hiển thị thông tin về ngành học liên quan đến design như bên dưới:

College and university search results

Step 2 of 5

You've found some great options for studying in Canada! Take the time to review the programs and institutions below.

To calculate tuition costs, select the box next to the programs and institutions you are interested in and click the 'Confirm selection' button.

Search by keyword: design
Language of study: Any
Program Level: All Program Levels
Location: No Preference (any province or territory)

List of Programs (659 result(s) found)

Sort By

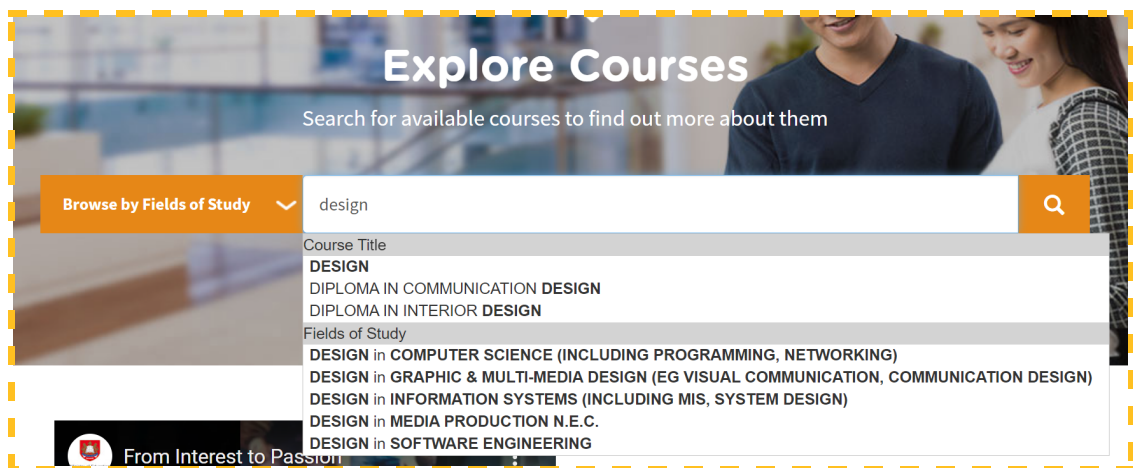
Program Name | School Name | City Name

1.	Advanced Diploma in Graphic Design-Visual Communication Fleming College, Peterborough, Ontario	<input type="checkbox"/>
2.	Graphic Media Design Pacific Design Academy, Victoria, British Columbia	<input type="checkbox"/>

- Lướt đọc, chọn các tên ngành học liên quan và ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

❖ Singapore - My Skills Future

- Truy cập vào: <https://www.myskillsfuture.gov.sg/content/student/en/preu/education-guide/courses.html>
- Chọn các từ khóa theo tên nghề ở cột A của [Biểu mẫu 7](#) và gõ vào ô tìm kiếm bên dưới mục Explore Courses rồi nhấn Search
Ví dụ: tên nghề ở cột A là graphic designer, ta có thể dùng từ khóa design gõ vào như bên dưới và nhấn Search



- Lưu ý, khi bạn gõ từ khóa, trước khi nhấn Search, trang sẽ hiển thị gợi ý rất nhiều ngành học có liên quan, bạn có thể chọn 1 gợi ý mà bạn thấy phù hợp nhất, sau đó mới nhấn Search (ở đây ta chọn design)

55 programmes found in Course_Title:"Design"

< 1 2 3 4 5 6 7 >

<p>ANALOG INTEGRATED CIRCUIT DESIGN</p> <p>NANYANG TECHNOLOGICAL UNIVERSITY</p> <p>The course offers a broad range of topics for analog integrated circuits or mixed-signal integrated circuit systems, with the objective to emphasis on the topics: 1....</p> <p>★ Add to Favourite □ Add to Compare</p>	<p>BA(HONS) DESIGN COMMUNICATION</p> <p>LASALLE COLLEGE OF THE ARTS</p> <p>Design has become relevant to everyday communication in the way it changes, influences and improves lives. A meaningful design solution not only informs our social and...</p> <p>★ Add to Favourite □ Add to Compare</p>
<p>BA(HONS) FASHION DESIGN AND TEXTILES</p> <p>LASALLE COLLEGE OF THE ARTS</p>	<p>BA(HONS) INTERIOR DESIGN</p> <p>LASALLE COLLEGE OF THE ARTS</p> <p>Interior design is defined as the act of creating environments</p>

➤ Đọc các thông tin hiển thị có liên quan và chọn các ngành học yêu thích ghi vào cột B trong [Biểu mẫu 7](#).

3. Tìm hiểu ruột ngành

Bước 6: Tìm hiểu ruột ngành

Tương tự việc tìm hiểu ruột nghề, khi đã lựa chọn được các tên ngành yêu thích, bạn nên khám phá thêm các thông tin liên quan đến ngành học để tránh việc chưa hiểu đúng và đầy đủ về ngành được đào tạo.

Các thông tin liên quan đến ruột ngành bạn cần lưu ý như thời gian đào tạo, yêu cầu đầu vào, chương trình đào tạo (môn học), bằng cấp đạt được, các ưu thế khi học (học bổng, cơ hội thực tập, cơ hội làm thêm, v.v.).

Bạn có thể ghi các thông tin này vào [Biểu mẫu 8](#) như sau:

- ❖ Lấy thông tin từ cột B [Biểu mẫu 7](#) đưa vào cột A [Biểu mẫu 8](#)
- ❖ Để tìm hiểu ruột ngành, tại bước tìm hiểu ngành học, với từng quốc gia tương ứng, sau khi đã vào đến mục tên ngành, tiếp tục nhấn vào từng ngành học và đọc các thông tin liên quan
- ❖ Lựa chọn thông tin cần thiết và ghi vào các ô tương ứng trong [Biểu mẫu 8](#).

Biểu mẫu 8: Tìm hiểu ruột ngành

A. Tên 3 ngành học phù hợp	Thời gian đào tạo	Yêu cầu đầu vào	Môn học	Bằng cấp	Ưu thế khi theo học

Lưu ý: Đôi lúc tìm kiếm tên ngành sẽ không dẫn đến liên kết trực tiếp của ngành học đó mà chỉ hiển thị đường dẫn đến các trường cung cấp chuyên ngành học (ví dụ Mỹ), bạn cần tiếp tục vào website của trường và tìm đọc các ngành học tương ứng.

Vậy là chúng ta đã hoàn thành Phần III, kết thúc phần này bạn đã có thể xác định 3 ngành học phù hợp với sở thích theo Holland và nghề nghiệp sau này. Phần IV sẽ tiếp tục gợi ý các tiêu chí giúp bạn đưa ra quyết định cùng các hướng dẫn để chọn trường và quốc gia.



PHẦN IV: TÌM HIỂU CÁC ĐIỂM ĐẾN PHÙ HỢP VÀ RA QUYẾT ĐỊNH

1. Giới thiệu

Đến phần này, bạn đã tiến một bước rất dài trong việc thực hiện dự định du học. Ra quyết định gần như là mắt xích quan trọng cuối cùng để đưa bạn đến nơi sẽ theo học trong tương lai gần. Để có căn cứ ra quyết định, bạn cần xác định các tiêu chí có thể ảnh hưởng đến việc du học của bản thân. Chúng tôi sẽ gợi ý một số tiêu chí phổ biến mà các ứng viên du học thường quan tâm. Sau khi có danh sách các tiêu chí, bạn cần dành thời gian tìm hiểu về quốc gia và trường đào tạo tại các quốc gia đó. Chúng tôi cũng cung cấp một số kênh thông tin giúp bạn khám phá về các quốc gia và các trường đào tạo tương ứng. Bạn nên dành thời gian đọc, ghi chú, so sánh và đối chiếu với các tiêu chí đã chọn để có thể ra quyết định phù hợp.

2. Xác định tiêu chí ưu tiên ảnh hưởng đến việc ra quyết định du học

Bước 7: Xác định tiêu chí ưu tiên

2.1. Xác định các tiêu chí

Sau khi đã xác định được sở thích, tên nghề, tên ngành học, bạn cần lựa chọn trường học và quốc gia muốn theo học. Mỗi quốc gia sẽ có những khác biệt trong hệ thống giáo dục và các chính sách dành cho sinh viên quốc tế. Bên cạnh đó, số lượng trường học ở mỗi quốc gia là rất lớn. Vì vậy, trước khi đưa ra quyết định du học, bạn cần lập danh sách các tiêu chí để sàng lọc và thu hẹp phạm vi lựa chọn.

Tiêu chí là danh sách các yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định du học của một cá nhân. Mỗi cá nhân sẽ có những tiêu chí và mức độ ưu tiên cho các tiêu chí này là khác nhau. Trong phần sau đây, chúng tôi sẽ gợi ý một số tiêu chí phổ biến kèm biểu mẫu để bạn liệt kê và sắp xếp thứ tự ưu tiên.

2.1.1. Ngân sách du học

Ngân sách du học bao gồm các khoản chi tiêu cho thủ tục trước khi đi du học và chi tiêu trong suốt thời gian học tập tại nước ngoài.

- ❖ Chi tiêu cho thủ tục trước khi du học bao gồm phí dịch vụ du học (nếu bạn sử dụng dịch vụ tư vấn du học), in ấn, chứng thực, scan giấy tờ, chuyển phát, dịch thuật, phí visa, phí khám sức khỏe, mua vật dụng cá nhân, vé máy bay, tiệc chia tay bạn bè/người thân, v.v.
- ❖ Chi tiêu trong thời gian học tập tại nước ngoài bao gồm học phí, nhà ở, ăn uống, phương tiện giao thông, giám hộ (nếu bạn dưới 18 tuổi), bảo hiểm sức khỏe bắt buộc, sách vở, phụ phí hằng năm của trường, chi tiêu cá nhân khác.
- ❖ Nếu bạn tự chi trả cho việc du học, bạn cần xem xét mức ngân sách tối đa mà bản thân có thể chuẩn bị là bao nhiêu. Nếu ngân sách được người thân cung cấp, bạn cần

trao đổi với người thân để biết được con số cụ thể. Lưu ý, đối với các chương trình học kéo dài hơn một năm thì ngân sách nên được tính cho toàn thời gian học, tránh trường hợp dự trù không đủ khiến việc học tập bị đứt đoạn giữa đường.

2.1.2. Học lực

Mỗi chương trình học sẽ có yêu cầu cụ thể về điểm số trung bình của cấp học trước đó hoặc điểm số của 6 học kỳ gần nhất. Bên cạnh đó, một số chuyên ngành sẽ yêu cầu bạn đạt số điểm nhất định trong một số phân môn. Ví dụ, ngành học Khoa học Sức khỏe của trường A có thể yêu cầu bạn đạt điểm trung bình học tập là 8.0 cả 3 năm lớp 10, 11, và 12, kèm theo điểm trung bình môn Toán, Hóa, Sinh lớp 11 và 12 từ 8.0 trở lên. Vì vậy bạn cần xác định điểm trung bình của mình thuộc nhóm nào để xác định mức độ tác động lên việc ra quyết định du học nói chung và lựa chọn chương trình học, trường học, và quốc gia nói riêng.

2.1.3. Bài thi chuẩn hóa

Bên cạnh học lực, tùy từng quốc gia, các trường cũng có thêm yêu cầu đầu vào tương ứng với chương trình đào tạo mà họ cung cấp. Ví dụ ở Mỹ khi xét tuyển vào đại học, ngoài học lực, ngoại ngữ, nhiều trường sẽ có thể yêu cầu chứng chỉ SAT/ACT, trình độ sau đại học sẽ yêu cầu GMAT/GRE. Trong khi đó, một số quốc gia châu Âu sẽ cung cấp bài thi riêng như Đức yêu cầu bài thi chuẩn hóa kiến thức APS, Phần Lan yêu cầu bài thi viết (gồm đọc hiểu, viết luận, Toán, IQ) và phỏng vấn. Bạn cần xem xét tiêu chí này nghiêm túc để đánh giá khả năng đáp ứng các bài thi trong trường hợp chương trình học của bạn có thêm yêu cầu này.

2.1.4. Ngoại ngữ

Ngoại ngữ là yếu tố cơ bản khi bạn muốn du học tại 1 quốc gia có sử dụng ngôn ngữ khác với tiếng mẹ đẻ. Bạn có đang yêu thích ngoại ngữ nào không? Khả năng học tập ngoại ngữ này thế nào? Việc yêu thích sẽ ảnh hưởng đến tốc độ học tập ngoại ngữ. Nếu bạn đang thành thục một ngoại ngữ nào đó thì việc lựa chọn du học ở quốc gia có ngôn ngữ mẹ đẻ là thứ tiếng đó sẽ mang lại cho bạn lợi thế trong việc tăng khả năng được chấp nhận học, thuận lợi trong việc hòa nhập với môi trường mới. Hãy đánh giá khả năng ngoại ngữ hiện tại hoặc khả năng học tập ngoại ngữ của bản thân đang ở mức độ nào để có cơ sở đối chiếu với các tiêu chuẩn đầu vào ở các bậc học hoặc quốc gia khác nhau.

2.1.5. Học bổng

Học bổng có thể giúp bạn tiết kiệm chi phí du học và là sự tự hào cho bản thân người nhận được học bổng. Theo nghĩa truyền thống, học bổng được xét dựa trên thành tích học tập và các yếu tố nổi bật khác của ứng viên. Ngoài ra, các trường nước ngoài còn có thêm một loại trợ cấp theo yêu cầu nhằm hỗ trợ tài chính cho ứng viên muốn vào học tại trường. Bạn cần lưu ý hai khái niệm này để có kế hoạch phù hợp. Thông thường, bạn sẽ xin học bổng khi đánh giá bản thân có các lợi thế trong điểm trung bình học tập, ngoại ngữ, hoạt động nghiên cứu, cộng đồng, v.v. Bạn cũng có thể xin hỗ trợ tài chính khi không đủ ngân sách du học, muốn giảm tối đa chi phí du học. Để đánh giá mức độ quan trọng của học bổng và hỗ trợ tài chính trong việc ra quyết định du học, bạn có thể đặt câu hỏi sau: “Nếu không nhận được học bổng/hỗ trợ tài chính hoặc không nhận được mức học bổng/hỗ trợ tài chính theo kỳ vọng thì việc du học của tôi có bị ảnh hưởng không?”.

2.1.6. Xếp hạng

Xếp hạng là sự đánh giá về trường hay chương trình học cụ thể từ một số tổ chức độc lập. Đánh giá này dựa trên các thống kê về nghiên cứu, học thuật, giảng dạy, giải thưởng, mức

độ hài lòng của sinh viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm, v.v. của các trường. Những tổ chức đánh giá khác nhau sẽ lựa chọn tiêu chí đánh giá khác nhau, áp dụng phương pháp đánh giá khác nhau. Nếu xếp hạng là yếu tố ưu tiên khi ra quyết định du học, bạn cần xem xét các tổ chức xếp hạng mà bạn tham khảo đang sử dụng yếu tố nào để thống kê, phương pháp thống kê là gì, v.v. để tránh các bảng xếp hạng chủ quan, chưa đúng chuẩn.

2.1.7. Thế mạnh đào tạo

Điều này nghĩa là theo học chuyên ngành cụ thể tại một quốc gia có thế mạnh đào tạo về ngành học đó. Ví dụ các bạn thích học ngành kỹ thuật thường chọn Đức; ngành kinh doanh, công nghệ thì chọn Mỹ; ngành học cơ bản như Toán thì chọn Pháp; v.v. Tuy nhiên, theo thời gian, ranh giới này dần bị xóa nhòa khi các quốc gia đều đa ngành hóa các chương trình đào tạo để phục vụ cho sự đa dạng hóa nền kinh tế của đất nước. Vì vậy, nếu lựa chọn đây là tiêu chí ưu tiên, bạn cần phải tham khảo và tìm kiếm thêm các nguồn thông tin để có thể so sánh và đối chiếu.

2.1.8. Có người thân ở nước ngoài

Rất nhiều bạn quyết định du học vì có người thân đang sinh sống ở nước ngoài. Việc lựa chọn học tập tại quốc gia có người thân mang lại sự yên tâm cho gia đình, sự hỗ trợ nhanh chóng khi cần hoặc tiết kiệm một phần ngân sách khi ở cùng người thân trong thời gian học. Tuy nhiên, nếu đây là một trong những tiêu chí ảnh hưởng đến việc ra quyết định du học, bạn cần tìm hiểu thêm về quy định lưu trú cùng người thân vì có một số trường sẽ không cho phép bạn ở cùng người thân (đặc biệt là khi bạn dưới 18 tuổi hoặc trong năm đầu đại học).

2.1.9. Chính sách dành cho sinh viên quốc tế

Hiện nay, nhiều quốc gia ban hành các chính sách thu hút nhân lực hướng đến sinh viên quốc tế như tăng giờ làm thêm hằng tuần, miễn chứng minh tài chính khi xin visa, kéo dài thời gian lưu trú, hoàn thuế sau khi tốt nghiệp, mở thêm nhiều chương trình định cư, v.v. Bạn cần nghiên cứu chính sách trên các trang thông tin trực tuyến chính thức của các quốc gia để xem liệu đây có phải tiêu chí ảnh hưởng đến việc ra quyết định du học của bạn hay không.

2.1.10. Khả năng đáp ứng các yêu cầu xin visa

Đây là một trong những tiêu chí rất quan trọng ảnh hưởng đến việc ra quyết định du học của một người vì nếu bạn không đáp ứng được yêu cầu xin visa thì không thể đi du học. Các thủ tục về visa sẽ khác nhau tùy vào từng quốc gia nhưng nhìn chung có 3 yếu tố mà bạn cần đảm bảo đúng quy định và đầy đủ theo yêu cầu:

- ❖ Hồ sơ học tập (bao gồm việc lịch sử học tập của bạn có đang hợp lý với chương trình học mà bạn sắp nộp đơn không).
- ❖ Hồ sơ nhân thân (các thông tin cá nhân của bản thân bạn và những người thân trong gia đình của bạn).
- ❖ Hồ sơ tài chính (bạn có giấy tờ để chứng minh khả năng và nguồn tài chính của bản thân hay người bảo lãnh tài chính của bạn hay không?).

2.1.11. Người quyết định

Quyết định du học của bạn đến từ bạn hay đến từ gia đình hay đến từ 2 phía? Bạn cần xác định rõ “quyền quyết định” vì người quyết định cũng có thể ảnh hưởng đến quyết định sau cùng nếu họ có các quan điểm, giá trị hoặc mục tiêu khác với bạn.

2.1.12. Sức khỏe của bản thân

Tình trạng sức khỏe sẽ ảnh hưởng đến khả năng học tập và hòa nhập khi ở nước ngoài. Nếu bạn có các vấn đề sức khỏe, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến thời tiết, thức ăn, v.v. bạn có thể gặp khó khăn khi thích nghi với cuộc sống mới. Bên cạnh đó, một số quốc gia có các yêu cầu liên quan đến việc kiểm tra sức khỏe trước khi cấp visa du học. Do đó, bạn có thể gặp khó khăn khi xin visa hoặc không đủ điều kiện để được cấp visa.

2.1.13. Vị trí địa lý

Khoảng cách về địa lý, múi giờ và thời gian có thể ảnh hưởng đến việc đi lại, giao tiếp và tương tác với gia đình và bạn bè. Ví dụ, nếu bạn đến một quốc gia nằm ở múi giờ khác, thì việc liên lạc với người thân, gia đình và bạn bè sẽ khó khăn hơn và có thể gây ảnh hưởng tới tâm lý và sự thích nghi của bạn với môi trường mới. Chi phí đi lại và sinh hoạt cũng có thể khác nhau tùy theo vị trí địa lý, vì vậy nó có thể ảnh hưởng đến quyết định của bạn về việc chọn địa điểm du học.

2.1.14. Văn hóa

Mỗi quốc gia sẽ có nét văn hóa riêng biệt. Khi đi du học, bạn sẽ phải tiếp xúc với nhiều văn hóa khác nhau. Bạn cần tìm hiểu những khác biệt cơ bản giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây như ẩm thực, tín ngưỡng, cách giao tiếp/ứng xử, v.v. để hình dung mình phù hợp với môi trường nào hơn.

2.2. Liệt kê và sắp xếp thứ tự ưu tiên

Bạn có thể liệt kê thêm các tiêu chí quan trọng với bản thân bạn nhưng không có trong những gợi ý trên. Với mỗi tiêu chí, bạn nên ghi rõ mô tả để có căn cứ xác định điểm ưu tiên. Tiêu chí có điểm càng cao tỷ lệ thuận với mức độ quan trọng.

Trong quá trình tìm hiểu trường và quốc gia, bạn nên nhìn vào danh sách này để sàng lọc lựa chọn của mình. Dưới đây là gợi ý biểu mẫu lựa chọn tiêu chí ưu tiên:

Biểu mẫu 9: Tiêu chí ưu tiên

Tiêu chí	Mô tả	Chấm điểm (từ 1-10)
Ví dụ: Khả năng đáp ứng yêu cầu visa	Gia đình làm nông, có tài chính nhưng không có nhiều giấy tờ chứng minh	7

Bạn nên chọn ra 3-5 tiêu chí quan trọng nhất ứng với số điểm cao nhất để đối chiếu với phần lựa chọn quốc gia và trường.

3. Tìm hiểu quốc gia

Bước 8: Tìm hiểu quốc gia

Trước khi lựa chọn trường, bạn cần lựa chọn 1 hoặc một vài quốc gia du học phù hợp với các tiêu chí đã xác định ở trên. Mỗi quốc gia ở nước ngoài sẽ có hệ thống giáo dục khác biệt với hệ thống giáo dục tại Việt Nam. Chính vì vậy, bạn cần tìm hiểu thông tin về hệ thống giáo dục của từng quốc gia để đảm bảo sự chuyển tiếp từ chương trình học trong nước sang nước ngoài được thuận lợi. Bên cạnh hệ thống giáo dục, chúng ta cũng cần tìm hiểu các thông tin khái quát về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính sách visa, việc làm, v.v. để có sự đối chiếu với các tiêu chí ra quyết định ở trên.

3.1. Tìm hiểu thông tin khái quát

Để tìm hiểu thông tin khái quát về các nước, chúng ta có thể tham khảo các trang thông tin sau:

3.1.1. Bách khoa toàn thư Britannica

Đây là kênh thông tin về đất nước, con người, kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử của mỗi quốc gia. Để tìm kiếm thông tin của các nước, bạn làm theo hướng dẫn sau:

- ❖ Vào đường dẫn: <https://www.britannica.com/>
- ❖ Tại màn hình hiển thị, gõ tên quốc gia muốn tìm kiếm vào khung Search Britannica và nhấn Enter

Trang thông tin tham khảo các quốc gia du học phổ biến từ Britannica:

- ❖ Mỹ: <https://www.britannica.com/place/United-States>
- ❖ Canada: <https://www.britannica.com/place/Canada>
- ❖ UK: <https://www.britannica.com/place/United-Kingdom>
- ❖ Úc: <https://www.britannica.com/place/Australia>
- ❖ New Zealand: <https://www.britannica.com/place/New-Zealand>
- ❖ Singapore: <https://www.britannica.com/place/Singapore>

3.1.2. The World Factbook bởi Cơ quan tình báo trung ương Mỹ (CIA)

Các thông tin được tổng hợp bao gồm địa lý, xã hội, con người, chính phủ, đối ngoại, kinh tế, giao thông, môi trường. Để tìm kiếm thông tin của các nước, bạn làm theo hướng dẫn sau:

- ❖ Vào đường dẫn: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries>
- ❖ Tại màn hình hiển thị, chọn tên quốc gia muốn tìm kiếm và nhấn Enter

Trang thông tin tham khảo các quốc gia du học phổ biến từ The World Factbook:

- ❖ Mỹ: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/united-states/>
- ❖ Canada: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/canada/>
- ❖ UK: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/united-kingdom/>
- ❖ Úc: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/australia/>

- ❖ New Zealand: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/new-zealand/>
- ❖ Singapore: <https://www.cia.gov/the-world-factbook/countries/singapore/>

3.1.3. Tổ chức lao động thế giới (ILO)

ILO cung cấp các thông tin thống kê về tỷ lệ việc làm, thu nhập bình quân, v.v. của các quốc gia. Để tìm kiếm thông tin thống kê của các nước, bạn làm theo hướng dẫn sau:

- ❖ Vào đường dẫn: <https://www.ilo.org/global/regions/lang--en/index.htm>
- ❖ Tại màn hình hiển thị, chọn tên quốc gia muốn tìm kiếm và nhấn Enter

Trang thống kê của các quốc gia: Các trang này tổng hợp tất cả mọi chỉ số thống kê mới nhất bao gồm kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, giáo dục của mỗi nước. Để tìm kiếm thông tin cần thiết, bạn vào đường dẫn tương ứng bên dưới và chọn các mục thông tin quan tâm trong mỗi trang:

- ❖ Mỹ: <https://www.bls.gov/bls/other.htm>
- ❖ Canada: <https://www.statcan.gc.ca/en/start>
- ❖ UK: <https://www.gov.uk/search/research-and-statistics>
- ❖ Úc: <https://www.abs.gov.au/>
- ❖ New Zealand: <https://www.stats.govt.nz/>
- ❖ Singapore: <https://www.singstat.gov.sg/>

3.2. Tìm hiểu thông tin về hệ thống giáo dục

Thông thường, mỗi quốc gia đều có kênh thông tin giáo dục hỗ trợ sinh viên quốc tế. Khi tìm hiểu các thông tin này, bạn cần ghi chú lại một số yếu tố liên quan đến hệ thống giáo dục như các cấp học, yêu cầu số năm học của mỗi cấp học (vì có trường hợp bậc trung học ở Việt Nam kết thúc vào cuối năm lớp 12, nhưng ở một vài quốc gia lại là cuối năm thứ 13). Sau đây là các kênh thông tin giáo dục chính thức của các nước:

- ❖ Mỹ: <https://educationusa.state.gov/your-5-steps-us-study/research-your-options>
- ❖ Canada: <https://www.educanada.ca/study-plan-etudes/system-education-systeme.aspx?lang=eng>
- ❖ Úc: <https://www.studyaustralia.gov.au/>
- ❖ New Zealand: https://www.studywithnewzealand.govt.nz/en/study-options/new-ways-of-learning/study-in-nz?&user_id=0&gclid=CjwKCAjwue6hBhBVEiwA9YTx8OMqObHFJADMA3T-ckCjr_hUAG9uzqT_yWw_glu7ClmyN-JRsWhUZERoCCoMQAvD_BwE&gclsrc=aw.ds
- ❖ UK: <https://www.gov.uk/national-curriculum>
- ❖ Singapore: <https://www.mfa.gov.sg/Overseas-Mission/Vientiane/Studying-in-Singapore>

3.3. Tìm hiểu thông tin về chính sách việc làm trong và sau khi học cùng chính sách visa

3.3.1. Các kênh tham khảo về chính sách việc làm

- ❖ Mỹ: <https://studyinthestates.dhs.gov/students>
- ❖ Canada: <https://www.canada.ca/en/immigration-refugees-citizenship/services/study-canada.html>
- ❖ Úc: <https://www.studyaustralia.gov.au/english/employability>
- ❖ New Zealand: <https://www.immigration.govt.nz/new-zealand-visas/preparing-a-visa-application/education-quals-study>
- ❖ UK: <https://www.ukcisa.org.uk/Information--Advice/Working/Student-work>
- ❖ Singapore: <https://www.mom.gov.sg/passes-and-permits/work-pass-exemption-for-foreign-students>

3.3.2. Các kênh tham khảo về thủ tục visa du học

- ❖ Mỹ: <https://www.ustraveldocs.com/vn/vn-niv-visaapply.asp>
- ❖ Canada: <https://www.canada.ca/en/immigration-refugees-citizenship/services/study-canada/study-permit/study-permit-tool.html>
- ❖ Úc: <https://immi.homeaffairs.gov.au/visas/getting-a-visa/visa-listing>
- ❖ New Zealand: <https://www.immigration.govt.nz/new-zealand-visas>
- ❖ UK: <https://www.gov.uk/browse/visas-immigration/student-visas>
- ❖ Singapore: <https://www.ica.gov.sg/reside/STP/apply>

Lưu ý: Các thông tin có thể nằm rải rác ở nhiều kênh khác nhau tùy vào sự phân bố và sắp xếp của các quốc gia. Vì vậy trong quá trình chọn lọc thông tin, bạn cần dựa trên các tiêu chí đã lựa chọn ở trên để ghi chú lại thông tin và xếp hạng ưu tiên mức độ phù hợp giữa các quốc gia nhằm tiết kiệm thời gian tìm kiếm và để so sánh, đối chiếu khi cần. Gợi ý biểu mẫu ghi chú về các quốc gia như bên dưới:

Biểu mẫu 10: Các yếu tố cần lưu ý về các quốc gia

Quốc gia	Các yếu tố phù hợp	Các yếu tố chưa phù hợp	Xếp hạng ưu tiên
Úc	<ul style="list-style-type: none"> - Được làm thêm trong thời gian học - Có chính sách cho phép ở lại làm việc sau khi học xong 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục visa cần nhiều bước 	2

	- Nhiều học bổng		
Singapore	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bay ngắn (khoảng 2 giờ) - Khí hậu tương tự Việt Nam - Được làm thêm trong thời gian học - Thủ tục visa không phức tạp 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có chính sách ở lại làm việc sau khi học 	1

4. Tìm hiểu trường

Bước 9: Tìm hiểu trường

Sau khi đã ghi chú các thông tin về quốc gia và xếp hạng mức độ ưu tiên về sự phù hợp, ở phần này bạn sẽ tiếp tục tìm hiểu về trường và các chương trình học tương ứng tại quốc gia theo thứ tự ưu tiên. Bạn nên chọn tối đa 3 quốc gia phù hợp nhất với bản thân để dành thời gian tìm hiểu sâu về trường.

Để tìm hiểu về trường, chúng ta làm như sau:

- ❖ Nhìn vào Bước 8, [Biểu mẫu 10](#), bạn đã chọn được quốc gia ưu tiên.
- ❖ Quay trở lại Phần III, nhìn vào Bước 6, [Biểu mẫu 8](#), bạn đã tạo được danh mục các ngành học và thông tin có liên quan. Ghi ra các ngành học này.
- ❖ Tiếp tục trở lại Bước 5, [Biểu mẫu 7](#), hãy vào đường dẫn của quốc gia ưu tiên mà bạn đã lựa chọn ở mục tìm hiểu quốc gia, tìm kiếm ngành học để tìm đến đường dẫn của các trường cung cấp chương trình học tại các quốc gia đó.
- ❖ Tùy theo mỗi quốc gia, một số kênh thông tin sẽ cung cấp dữ liệu tổng quan về trường đào tạo tương ứng, một số khác chỉ cung cấp đường dẫn đến website chính thức của các trường. Để có thông tin mới nhất và chính xác nhất, bạn cần vào website chính thức của các trường để tìm hiểu về trường. Hầu hết các trường đều có sẵn thông tin tổng quan mà bạn cần như: lịch sử, các cấp độ đào tạo và chương trình đào tạo, quy trình ứng tuyển, chi phí, học bổng, ký túc xá, v.v.
- ❖ Ngoài thông tin trên website của trường, bạn có thể tham khảo thêm thông tin khác về trường tại các trang xếp hạng trường:
 - US News: <https://www.usnews.com/best-colleges>, cung cấp thông tin tổng quan về trường, thứ hạng của trường ở Mỹ, tỷ lệ chấp nhận học thông qua thống kê về điểm số các bài thi SAT, ACT, GPA, chi phí học tập và sinh hoạt, các chuyên ngành, mức lương tham khảo. US News cũng có chức năng so sánh các trường khác nhau và giúp bạn xác định hồ sơ ứng tuyển của bạn nằm ở đâu trong số các ứng viên cùng năm.
 - QS Top Universities: <https://www.topuniversities.com/university-rankings>, QS có các bảng xếp hạng trường, chuyên ngành, thành phố, chương trình kinh

doanh, v.v. của các quốc gia khác nhau, bao gồm các nước châu Á. Bạn có thể tìm thấy thông tin chi tiết về trường tương tự như US News.

- THE (Times Higher Education):

<https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings>, tương tự QS, THE cũng có các bảng xếp hạng trường, chuyên ngành, v.v. cho các quốc gia.

Lưu ý: Điểm khác biệt chính giữa các trang xếp hạng là phương pháp thu thập thông tin, tiêu chí đánh giá và xếp hạng. Bạn nên tham khảo và liên hệ trực tiếp với trường mà mình quan tâm để được hỗ trợ phù hợp.

- ❖ Sau khi đã tìm hiểu thông tin, hãy tiếp tục đối chiếu với các tiêu chí lựa chọn ở Bước 7 để đánh giá mức độ ưu tiên.
- ❖ Để giúp bạn dễ hình dung, hãy xem ví dụ tìm hiểu trường sau đây:
 - Ở Bước 8, bạn đã chọn ra 2 quốc gia ưu tiên là Mỹ và Singapore.
 - Nhìn lại Bước 6, bạn đã chọn ra 3 ngành là: Graphic Design, Game Design, và Animation Design. Cho các ngành này vào cột ngành học trong [Biểu mẫu 11](#).
 - Vào đường dẫn tìm hiểu ngành của Mỹ và Singapore ở Bước 5, lần lượt gõ tên 3 ngành ở trên để tìm đến các trường tương ứng. Chọn lọc các thông tin cần thiết và ghi chú vào [Biểu mẫu 11](#). Đánh giá mức độ ưu tiên theo từng trường. Bạn có thể thay đổi thông tin ghi chú trong biểu mẫu cho phù hợp với bản thân.

Biểu mẫu 11: Danh sách các trường phù hợp

Ngành học	Trường	Địa điểm	Thời gian học	Yêu cầu đầu vào	Chi phí	Học bổng	Cấp độ đào tạo	Xếp hạng trường	Mức độ ưu tiên	...
Graphic Design	Trường 1						Cao đẳng			
	Trường 2						Đại học			
	Trường 3						Chứng chỉ			
Game Design	Trường 1									
	Trường 2									
	Trường 3									
Animation Design	Trường 1									
	Trường 2									
	Trường 3									

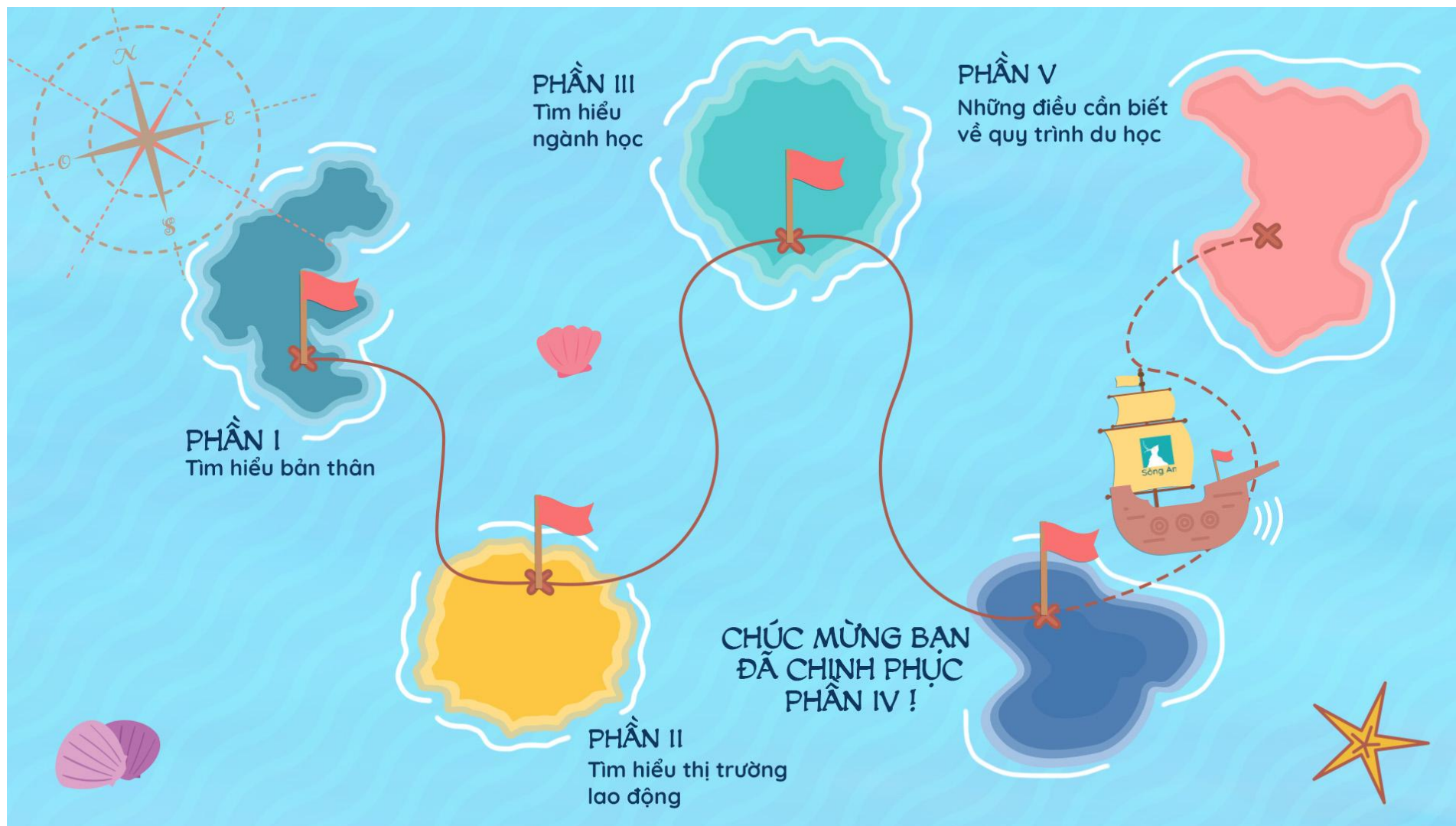
Lưu ý khi tìm hiểu trường:

- ❖ Đối với Mỹ, sau khi có được tên trường, bạn có thể vào trang National Center for Education Statistics (NCES) <https://nces.ed.gov/collegenavigator/>, gõ tên trường và tỉnh bang để xem nhanh các thông tin khái quát về trường.
- ❖ Đối với Úc, nếu bạn đã có tên ngành ở Bước 6, bạn có thể vào trang tìm kiếm trường dành cho sinh viên quốc tế tại <https://www.studyaustralia.gov.au/english/study/find-a-course> để tìm kiếm các trường phù hợp và dành riêng cho sinh viên quốc tế.

5. Ra quyết định

Đến đây, bạn đã đi một hành trình rất dài, tin chắc rằng bạn cũng đã có sự am hiểu tương đối về việc học tập tại một quốc gia ngoài lãnh thổ Việt Nam. Hãy đối chiếu [Biểu mẫu 11](#) ở Bước 9 với các tiêu chí đã ưu tiên ở Bước 7, đây là thời điểm bạn cần đưa ra quyết định cuối cùng. Có vài điều cần lưu ý trước khi bạn đưa ra quyết định chọn trường và ngành học:

- ❖ Bạn có thể ứng tuyển vào nhiều hơn một trường và một quốc gia. Tuy nhiên, điều này sẽ tốn kém thêm chi phí và công sức thời gian chuẩn bị hồ sơ dự tuyển, vì thế hãy cân nhắc chọn lọc kỹ để rút gọn danh sách ứng tuyển hết mức có thể. Danh sách rút gọn lý tưởng có thể bao gồm 1 trường mà bạn rất yêu thích (có thể không đạt số điểm cao nhất trong danh sách đánh giá tiêu chí, nhưng chúng ta có thể thử), 1 trường rất phù hợp với bạn xét trên tất cả các tiêu chí, và 1 trường mà bạn chắc chắn khả năng được nhận vào học của mình là rất cao (đương nhiên vẫn phải thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn).
- ❖ Một số trường đại học sẽ có các đại diện tuyển sinh tại Việt Nam, nếu bạn vẫn còn phân vân về trường, hãy tìm kiếm thông tin của họ trên các kênh truyền thông (LinkedIn, Facebook, v.v.) và đặt một lịch hẹn để được hỗ trợ thêm. Ngoài ra, một số trường khác cũng cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hãy tận dụng kênh hỗ trợ này cho quá trình thu thập thông tin về trường. Thông thường các kênh hỗ trợ này sẽ hiển thị ngay tại trang thông tin ngành học hoặc trong mục Admission.
- ❖ Visa là một trong những yếu tố quan trọng giúp bạn đạt được mục tiêu du học, vì vậy hãy chắc chắn rằng bạn thỏa mãn tiêu chí này trong quá trình chọn trường và quốc gia.
- ❖ Hãy chia sẻ danh sách rút gọn về trường và ngành học với gia đình, đặc biệt nếu gia đình là người hỗ trợ tài chính cho việc du học để xác nhận chắc chắn rằng bạn nhận được hỗ trợ. Điều này xuất phát từ thực tế tài chính của gia đình có thay đổi nhưng bạn không được thông báo, nhất là trong những trường hợp thời gian bắt đầu tìm hiểu du học cho đến lúc ra quyết định của bạn kéo dài.
- ❖ Sau khi quyết định được ngành học, trường, và quốc gia muốn đến, bạn cần khởi động quy trình trước, trong, và sau khi nhập học. Phần V sẽ giúp bạn tìm hiểu về các vấn đề này.



PHẦN V: NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ QUY TRÌNH DU HỌC

1. Giới thiệu

Chúc mừng bạn đã tự cho mình cơ hội tìm được một hoặc một vài lựa chọn du học phù hợp bằng sự tập trung, kiên nhẫn và cả sự lắng đọng để kết nối với chính mình thông qua các phần thực hành từ đầu cẩm nang. Với những trải nghiệm thực tế là cựu sinh viên du học cùng với nhiều năm kinh nghiệm trong công tác Tư vấn - Định hướng du học, chúng tôi tin rằng nếu bạn lập kế hoạch du học với đầy đủ các hạng mục cơ bản trong chương này thì không những bạn luôn thấy mình dễ dàng được nhà trường mời học, hồ sơ xin thị thực sinh viên được Đại Sứ quán chấp thuận, mà còn giúp cho chính bạn và người thân của bạn thấy được sự rõ ràng và từ đó sẽ phối hợp, đồng hành cùng bạn trong sự đồng thuận, vui vẻ và an tâm. Hãy biến hành trình du học của bạn thực sự là một chặng đường hạnh phúc và thành công.

2. Các hạng mục chính của quy trình du học

2.1. Trường đến

2.1.1. Thư mời nhập học

Để được nhận thư mời học (Offer Letter) từ trường bạn mong muốn, bạn cần chuẩn bị những tài liệu dưới đây.

2.1.1.1. Đơn xin học

Đơn xin học (hay còn gọi là Application Form) là một thủ tục khai thông tin cá nhân, lịch sử học vấn, kinh nghiệm làm việc, trình độ ngoại ngữ, nguyện vọng khóa học, kỳ đăng ký học, v.v. của trường mà bạn đang xin thư mời. Hiện nay, rất nhiều các trường sử dụng đơn xin học trực tuyến thay thế cho đơn giấy. Ngày càng có nhiều trường sử dụng chung hệ thống nộp hồ sơ nhập học trung tâm, nhằm giúp học sinh có thể cùng lúc nộp hồ sơ vào nhiều trường mà không cần khai các đơn xin học riêng lẻ của từng trường (ví dụ: UCAS của Anh; Studylink của Úc hay CommonApp của Mỹ, v.v.).

Khi nộp đơn xin học, bạn cần đính kèm toàn bộ tài liệu được yêu cầu để được xét duyệt hồ sơ. Thông thường, đơn xin học sẽ được đăng tải công khai trên website trường để gửi đơn xin học trực tuyến hay qua email, hoặc bạn có thể tìm thấy đơn xin học tại link website của khóa học.

2.1.1.2. Học bạ, bảng điểm, bằng chứng chỉ hỗ trợ

Học bạ (đối với học sinh trung học), bảng điểm (đối với học sinh sau trung học) là tài liệu bắt buộc cần có để được xét duyệt hồ sơ cấp thư mời học. Bạn không nhất thiết phải chờ đến lúc được cấp học bạ/bảng điểm chính thức mới nộp hồ sơ nhập học vì có thể sẽ làm chậm trễ quá trình được cấp thư mời. Nhiều trường chấp nhận học bạ của năm lớp 10, 11 và điểm học kỳ 1 lớp 12 hay bảng điểm tạm thời để xét cấp thư mời có điều kiện cho chương trình cử nhân; bảng điểm và chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho chương trình sau đại học. Bạn hoàn toàn có thể bổ sung học bạ chính thức/bảng điểm cuối cùng để chuyển thư mời có điều kiện sang thư mời chính thức giúp đẩy nhanh quá trình xin thư mời và nộp hồ sơ xin visa.

Ví dụ: Đối với những bạn xin học khóa cử nhân nhưng đang lớp 12 và chờ thi tốt nghiệp THPT hoặc xin học thạc sĩ (MSc/MA) nhưng chưa có bằng điểm đại học cuối cùng và bằng tốt nghiệp thì bạn vẫn có thể nộp đơn xin thư mời học có điều kiện. Tuy nhiên, bạn cần có chứng nhận tốt nghiệp trung học/bằng tốt nghiệp đại học để được cấp thư mời chính thức và được nhập học.

Giấy tờ/chứng chỉ hỗ trợ khác có thể là giấy khen, ghi nhận tham gia hoạt động ngoại khóa hoặc chứng chỉ hoàn thành/đạt được các kỹ năng nhất định. Giấy tờ/chứng chỉ hỗ trợ không phải là giấy tờ bắt buộc, tuy nhiên để được đánh giá cao hồ sơ xin học bổng, được xin vào khóa trái ngành (không liên quan đến khóa học trước đây của bạn), xin thư mời nhập học từ trường có thứ hạng cao, bạn nên chuẩn bị chứng chỉ hỗ trợ để nộp cùng hồ sơ.

2.1.1.3. Thư giới thiệu

Lưu ý tại một số quốc gia, các trường không yêu cầu tài liệu này đối với các chương trình tín chỉ hay các chương trình đại học.

Thư giới thiệu là tài liệu có thể được yêu cầu trong quá trình nộp hồ sơ du học. Thư giới thiệu được chấp nhận là thư của những người biết rõ bạn hay đã/đang giảng dạy bạn, nhưng nhất định không phải là người thân trong gia đình bạn.

Mục đích của thư giới thiệu là xác nhận những gì bạn học tập được trong thời gian học ở trường và trong quá trình làm việc, các kỹ năng bạn đang có hay những thành tích bạn đã đạt được. Qua thư giới thiệu, nhà tuyển sinh phần nào sẽ hiểu rõ hơn những điểm mạnh, kinh nghiệm, mục tiêu, v.v. của bạn trong các hoạt động bạn tham gia dựa trên góc nhìn từ bên thứ ba.

2.1.1.4. Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch - hay còn gọi là CV, viết tắt của Curriculum Vitae. Bản chất sơ yếu lý lịch là bản tóm tắt những thông tin về trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc/nghiên cứu, thành tích liên quan tới ngành học đang nộp hồ sơ, giúp nhà tuyển sinh hiểu rõ hơn về người xin học.

2.1.1.5. Thư trình bày nguyện vọng

Lưu ý: Không phải tất cả các trường, tất cả ngành học và cấp học đều yêu cầu thư này.

Thư trình bày nguyện vọng - Statement of Purpose (có những nước dùng các tên khác như Personal Statement, hoặc Motivation Letter) là bài luận thể hiện lý do, mục đích chọn ngành/khóa học/trường học bạn đang nộp hồ sơ, cũng như kế hoạch của bạn sau khi hoàn thành khóa học, hay tại sao bạn cho rằng bản thân xứng đáng với học bổng mà bạn đang nộp hồ sơ. Để có một bài luận Statement of Purpose ấn tượng, trước khi bắt tay vào viết thì bạn nên dành thời gian tìm hiểu để nắm rõ những thông tin mà trường yêu cầu phải cung cấp trong bài luận. Đôi khi để có được bài luận ấn tượng, bạn phải dành nhiều ngày, thậm chí nhiều tháng để viết, chỉnh sửa, tham khảo ý kiến của những người có kinh nghiệm và đặc biệt để trau chuốt phần ngôn ngữ sử dụng.

Những nội dung chính cần có trong thư trình bày nguyện vọng bao gồm:

- ❖ Trình bày về lý lịch bản thân: nói về lịch sử học thuật, hoạt động ngoại khóa và kinh nghiệm làm việc.
- ❖ Trình bày lý do bạn muốn học ngành này? (Định hướng của bản thân, học để phục vụ công việc/sở thích/nhu cầu cá nhân, xu hướng kinh tế, lợi thế địa phương, v.v.).
- ❖ Lý do tại sao muốn đi học tại nước bạn đang xin thư mời học?

- ❖ Tại sao bạn lại chọn trường này để học tập?
- ❖ Tại sao bạn muốn theo học khóa học bạn đang xin thư mời?
- ❖ Trình bày về định hướng tương lai trong ngắn hạn và dài hạn.
- ❖ Kết luận: Hy vọng trường cho câu trả lời và cảm ơn người đọc vì đã dành thời gian cho hồ sơ nhập học của mình.

2.1.1.6. Chứng chỉ ngoại ngữ (ngôn ngữ bạn sẽ dùng tại trường trong thời gian du học)

Căn cứ vào ngôn ngữ bạn cần sử dụng để nghiên cứu, học tập trong suốt quá trình du học, nhà trường sẽ có yêu cầu cụ thể về những chứng chỉ ngôn ngữ, cùng điểm đánh giá khả năng ngôn ngữ tương ứng của từng chứng chỉ này. Thông thường, các yêu cầu sẽ được mô tả rất kỹ tại phần Điều kiện ứng tuyển trong website của nhà trường.

Ví dụ: Đối với các quốc gia nói tiếng Anh hoặc các trường tại nước không nói tiếng Anh nhưng có chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, bạn cần phải chuẩn bị chứng chỉ IELTS, TOEFL, PTE, v.v. Các chứng chỉ được công nhận được đăng tải công khai trong phần yêu cầu xin vào khóa học. Đối với một số trường sẽ tạo điều kiện để tổ chức thi tiếng Anh nội bộ dành cho sinh viên không muốn thi các chứng chỉ được yêu cầu.

2.1.2. **Chuẩn bị trả lời phỏng vấn của trường**

Lưu ý: Không phải tất cả các trường và tất cả các quốc gia bắt buộc có phỏng vấn trước khi cấp thư mời học.

Đối với một số trường sẽ có yêu cầu phỏng vấn học sinh trước khi cung cấp thư mời hay trước khi ra quyết định về học bổng. Một số trường ở một số ít quốc gia sẽ đưa phỏng vấn vào quy trình để cấp thư nhập học chính thức, nhằm loại trừ những học sinh sử dụng việc đi du học cho những mục đích khác hay đơn thuần để nâng cơ hội hồ sơ visa của học sinh thành công.

Các nội dung được hỏi trong quá trình phỏng vấn thường bao gồm:

- ❖ Thông tin cá nhân của người xin học
- ❖ Kiến thức về quốc gia sẽ du học
- ❖ Kiến thức về trường
- ❖ Thông tin về khóa học đang nộp hồ sơ
- ❖ Kế hoạch tương lai của người xin học sau khi hoàn thành chương trình học
- ❖ Hiểu biết của người xin học về cuộc sống, giá cả sinh hoạt của nước sẽ du học
- ❖ Hoàn cảnh gia đình và tài chính của người xin học

2.2. Cuộc sống nơi đến

Trong những năm gần đây, mạng lưới Sinh viên Việt Nam ở nước ngoài hoạt động khá mạnh mẽ và hiệu quả (qua các kênh, mạng xã hội như Facebook, hoặc Hội sinh viên Việt Nam của từng trường), bạn có thể chủ động kết nối với các sinh viên người Việt tại trường để có thông tin cập nhật và chuẩn bị kỹ hơn các mục sau trước khi lên đường.

2.2.1. Tuần lễ làm quen và cách thức đến trường ngày đầu

Phần lớn các trường nước ngoài đều tổ chức Tuần lễ làm quen (Orientation Week), trước ngày chính thức học từ 1 - 2 tuần. Bạn không nên bỏ lỡ việc tham gia tuần lễ này. Có một số trường sẽ không chấp nhận nếu sinh viên không tham gia Tuần lễ làm quen. Có rất nhiều thông tin và các hoạt động quan trọng dành cho các tân sinh viên trong tuần lễ này bao gồm các buổi tập trung giới thiệu về khoa, về chương trình học, các dịch vụ dành cho sinh viên, các câu lạc bộ, hướng dẫn sử dụng thư viện, mở tài khoản ngân hàng, tham quan trường, ký túc xá, gặp gỡ các cán bộ chuyên trách về Sinh viên quốc tế, hướng dẫn đăng ký môn, v.v.

Để tránh đến muộn trong ngày đầu đi học, bạn cần tìm hiểu trước cách thức di chuyển từ nơi bạn thuê ở tới trường. Các trường đại học nước ngoài đều có khuôn viên rất lớn bao gồm nhiều tòa nhà ở cùng một địa điểm hoặc ở các địa điểm khác nhau. Vì thế bạn cần kiểm tra kỹ để chắc chắn tìm được và có mặt đúng giờ ở địa điểm đón tiếp tân sinh viên trong ngày đầu. Thông tin về địa điểm chào đón tân sinh viên và làm thủ tục nhập trường thường được ghi rõ trong Thư mời học chính thức hoặc qua thông báo của trường gửi tới email mà bạn đã đăng ký với trường.

2.2.2. Tài chính cá nhân (những ngày đầu)

Theo [Điều 2 Thông tư 15/2011/TT-NHNN](#), bạn được mang theo lượng ngoại tệ tương đương không vượt quá 5,000 USD tiền mặt. Nếu mang nhiều hơn, bạn cần phải khai báo với Hải quan. Chúng tôi khuyên bạn mở sẵn thẻ credit/debit từ Việt Nam và không nên mang theo nhiều tiền mặt để đảm bảo an toàn. Sau khi đã làm xong thủ tục nhập học, được cấp thẻ sinh viên, bạn nên mở tài khoản tại một trong các ngân hàng của quốc gia bạn du học để nộp tiền mặt mang theo. Người nhà hay cha mẹ có thể bắt đầu chuyển tiền sinh hoạt vào tài khoản nước ngoài của bạn để bạn dùng thẻ ATM chi tiêu hay rút tiền mặt..

2.2.3. Nhà ở

Chúng ta đã tìm hiểu và lựa chọn chỗ ở từ trước khi rời Việt Nam. Giờ là lúc bạn kiểm tra đối chiếu các thông tin, điều khoản trong hợp đồng thuê, cập nhật những yêu cầu, quy định mới và gặp gỡ, liên hệ các bộ phận, cá nhân liên quan để đảm bảo bạn hiểu rõ và các điều khoản đã cam kết được thực hiện đúng.

Bạn có thể tìm hiểu trước về ký túc xá của trường, hoặc thuê căn hộ riêng trong thời gian theo học. Thông tin về ký túc xá và cách thức thuê nhà có thể tìm hiểu qua website của trường, liên lạc và nhận tư vấn qua văn phòng hỗ trợ sinh viên quốc tế của trường (International Office) hoặc nhờ sự trợ giúp từ các (cựu) sinh viên, trung tâm du học. Trong trường hợp bạn thuê phòng/căn hộ riêng, nên kiểm tra kỹ các điều khoản trong hợp đồng thuê nhà, đồng thời thương lượng lại để có những điều khoản hợp lý và có lợi nhất cho mình.

2.2.4. Đăng ký tài khoản ngân hàng, gửi tiền sinh hoạt phí

Đây là một bước rất quan trọng để bạn hòa nhập với cuộc sống tại nước sở tại. Mỗi thành phố, mỗi trường học sẽ ưu tiên sinh viên mở thẻ (tài khoản, thẻ tín dụng) ở ngân hàng nhất định. Thông tin về ngân hàng cũng như cách thức mở thẻ có thể tìm hiểu qua văn phòng hỗ trợ sinh viên quốc tế. Khi đi đăng ký giấy tờ thẻ ngân hàng, bạn đừng quên mang theo hộ chiếu để có thông tin xác minh.

Cha mẹ và người thân tại Việt Nam có thể đến bất kỳ ngân hàng nào tại Việt Nam để gửi tiền sinh hoạt phí, thậm chí là học phí thông qua thẻ ngân hàng bạn mới mở.

2.2.5. Đăng ký thẻ giao thông công cộng

Để thuận tiện cho việc đi lại trong thành phố, bạn nên tìm hiểu trước về các loại phương tiện công cộng bạn sẽ sử dụng và các loại thẻ giao thông công cộng để giảm thiểu tối đa chi phí di chuyển. Bạn có thể tìm hiểu trên website của trường hoặc dần tìm hiểu qua bài đăng chia sẻ kinh nghiệm của người đã/đang đi học tại thành phố đó. Một số bang/thành phố có chính sách giảm giá cho sinh viên quốc tế. Bạn cần tìm hiểu về ưu đãi này để không bỏ lỡ cơ hội.

2.2.6. Đăng ký câu lạc bộ (CLB)

Sau khi đã hoàn thiện thủ tục nhập học, bạn có thể gia nhập cộng đồng trường bằng việc đăng ký các CLB của trường hoặc các hội/nhóm sinh viên Việt Nam tại nước ngoài. Bạn có thể tìm hiểu về thông tin các CLB của trường trên trang website chính thức của trường và các đợt tuyển thành viên mới của CLB trong thời gian theo học tại trường.

2.3. Thị thực (visa) du học

Thời gian xét duyệt thị thực là điều đầu tiên bạn cần quan tâm khi muốn xin Thị thực du học. Rất nhiều bạn dù đã có thư mời nhập học nhưng vẫn lỡ khóa học vì không kịp xin Thị thực du học. Thực tế, các Đại sứ quán và cơ quan Lãnh sự chỉ thông báo thời gian xét duyệt trung bình. Vào thời gian cao điểm, thời gian xét duyệt có thể kéo dài hơn. Thời gian xét duyệt tùy thuộc vào quốc gia bạn xin thị thực, loại thị thực, thời điểm nộp hồ sơ xin thị thực, vấn đề phát sinh sau khi nộp hồ sơ, v.v.

Thời gian xét duyệt trung bình thường xuyên được Văn phòng Thị thực của các Đại Sứ quán/Cục Di trú cập nhật, tùy theo thời gian cao điểm hay thấp điểm. Để biết được thời gian xét duyệt vào thời điểm bạn dự định nộp hồ sơ, bạn nên tra cứu thông tin này trên website của các Đại Sứ quán/Cục Di trú (thường tên miền truy cập có bao gồm cụm từ “gov”) hoặc tra tên Google với cụm từ “Tên quốc gia + Visa Processing time”.

Tùy từng quốc gia sẽ có quy định về hình thức nộp hồ sơ, địa điểm nộp hồ sơ khác nhau. Để tìm kiếm thông tin chính xác nhất về hình thức cũng như địa điểm nộp hồ sơ, bạn có thể truy cập vào website chính thức của Đại sứ quán/Cục Di trú.

Đại sứ quán/Cục Di trú của mỗi quốc gia sẽ có những yêu cầu riêng về hồ sơ nộp cùng đơn xin cấp thị thực, đặc biệt là hồ sơ chứng minh năng lực tài chính của người xin thị thực hay của người bảo lãnh tài chính. Danh sách các giấy tờ cần nộp có thể tìm thấy trên website của các Đại sứ quán/Cục Di trú. Để giúp các bạn và quý vị phụ huynh tránh bỏ sót những hạng mục giấy tờ có giá trị, nhằm đáp ứng yêu cầu chứng minh tài chính, thu nhập minh bạch, rõ ràng từ những Đại sứ quán; chúng tôi liệt kê ở bảng bên dưới danh mục gần như đầy đủ nhất các giấy tờ cần nộp và được chia làm 3 nhóm chính, bao gồm:

Stt	Giấy tờ cá nhân	Giấy tờ học	Giấy tờ Tài chính			
			Thu nhập			Tài sản
			Kinh doanh riêng	Công/Nhân viên	Hưu trí	
1	Hộ chiếu	Bằng	Đăng ký kinh doanh	Hợp đồng lao động hoặc Xác nhận công tác	Quyết định nghỉ hưu/ Thẻ hưu trí	Giấy chứng nhận quyền sử dụng

						đất/nhà/căn hộ
2	CMND/ CCCD	Bảng điểm	Giấy tờ nộp thuế (môn bài + thuế VAT + thu nhập doanh nghiệp)	Bảng lương hoặc Sao kê ngân hàng trong 6 tháng gần nhất	Sổ lĩnh lương hưu hoặc Sao kê tài khoản lương hưu trong 6 tháng gần nhất	Hợp đồng mua bảo hiểm nhân thọ
3	Giấy khai sinh	Chứng chỉ ngoại ngữ	Bản sao sao kê tài khoản ngân hàng của công ty	Sổ bảo hiểm xã hội		Đăng ký ô tô
4	Sổ hộ khẩu		Một số hợp đồng kinh tế và hóa đơn VAT tiêu biểu của công ty trong năm			Cổ phiếu
5	Đăng ký kết hôn					
6	Lý lịch tư pháp					
7	Giấy khám sức khỏe					

Tùy từng quốc gia sẽ có những yêu cầu về việc điền và nộp đơn xin visa theo hình thức trực tiếp hay trực tuyến. Thông tin về phương thức nộp đơn này cũng sẽ được cập nhật rõ ràng trên website của các Đại sứ quán/Cục Di trú.

Khi xin visa tại một số nước, bạn có thể bắt buộc phải đi phỏng vấn để xem bạn có thể được cấp visa hay không, những câu hỏi phỏng vấn phần lớn sẽ xoay quanh những vấn đề sau đây:

- ❖ Câu hỏi về cá nhân
- ❖ Câu hỏi về gia đình
- ❖ Câu hỏi về kế hoạch du học
- ❖ Câu hỏi về tài chính
- ❖ Kế hoạch quay trở về Việt Nam

Hiện nay, những bộ câu hỏi phỏng vấn visa mẫu được chia sẻ khá nhiều trên các phương tiện đại chúng. Bạn có thể tìm những câu hỏi mẫu và luyện tập trả lời những câu hỏi trước khi lên phỏng vấn trực tiếp.

2.4. Các khâu chuẩn bị tại Việt Nam

2.4.1. Thực hiện các thủ tục tại cơ sở giáo dục đang theo học tại Việt Nam

Để chuẩn bị cho quá trình nộp hồ sơ nhập học, điều cần thiết thực hiện đối với các bạn chưa tốt nghiệp các cơ sở giáo dục tại Việt Nam là đến trường xin học bạ/bảng điểm tạm thời. Thông thường, Văn phòng trường (trung học), Phòng Đào tạo hoặc phòng Hỗ trợ sinh viên (đại học) có thể hỗ trợ bạn thủ tục này. Đối với các bạn làm thủ tục du học Mỹ, nhiều trường sẽ yêu cầu giấy tờ học phải được gửi trực tiếp từ các cơ sở đào tạo của bạn tại Việt Nam qua đường bưu điện hoặc từ email của nhà trường.

Bên cạnh đó, trường cũng là nơi có thể hỗ trợ bạn thư giới thiệu. Như đã đề cập phía trên, bạn sẽ cần xin thư giới thiệu để nộp kèm theo hồ sơ. Thông thường, đối với các học sinh, sinh viên chưa hoặc đã tốt nghiệp chưa quá 3 năm tính đến ngày nộp hồ sơ, việc cung cấp ít nhất 1 thư giới thiệu học thuật (thư giới thiệu từ các thầy cô, giảng viên) là điều bắt buộc. Bạn có thể liên hệ trực tiếp với giáo viên, giảng viên để xin hỗ trợ thư giới thiệu. Một số cơ sở giáo dục khác yêu cầu học sinh, sinh viên đăng ký trên hệ thống của trường để được cung cấp thư giới thiệu này.

Ngoài ra, đối với các bạn sinh viên đi du học theo chương trình liên kết, top-up (du học chuyển tiếp), bạn cũng cần thực hiện một số thủ tục khác như xin bảo lưu, xin thư xác nhận, v.v.

2.4.2. Làm hộ chiếu

Hộ chiếu là giấy tờ bắt buộc khi xin thư mời nhập học từ trường và xin visa.

Bạn có thể tham khảo cách thức làm hộ chiếu trực tiếp từ website Cổng dịch vụ công của Bộ Công an.

- ❖ Thủ tục Cấp hộ chiếu phổ thông trong nước (thực hiện tại cấp tỉnh):
<https://dichvucong.bocongan.gov.vn/bocongan/bothutuc/tthc?matt=29497>
- ❖ Thủ tục Cấp hộ chiếu phổ thông trong nước (thực hiện tại cấp trung ương):
<https://dichvucong.bocongan.gov.vn/bocongan/bothutuc/tthc?matt=26270>

Lưu ý: Nếu bạn đã có hộ chiếu thì cần kiểm tra ngày hết hạn. Thực tế, có nhiều sinh viên đã làm hộ chiếu từ khi còn nhỏ và cho rằng mình đã và đang có hộ chiếu, nhưng khi kiểm tra lại thì đã hết hạn hoặc thời hạn còn lại không đủ yêu cầu để cấp visa.

2.4.3. Làm lý lịch tư pháp

Một số quốc gia yêu cầu học sinh, sinh viên khi xin visa du học cần cung cấp lý lịch tư pháp. Bạn cần tìm hiểu kỹ danh sách giấy tờ cần có khi xin visa đối với quốc gia tương ứng để có sự chuẩn bị phù hợp.

Bạn có thể tham khảo cách thức xin lý lịch tư pháp trực tiếp từ website Cổng dịch vụ công quốc gia:

https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=1493&open_popup=1

Lưu ý: Hiện nay, việc xin cấp lý lịch tư pháp đã có thể thực hiện online trên website Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.4.4. Xin các xác nhận sức khỏe

Một số quốc gia yêu cầu học sinh, sinh viên khi xin thư mời nhập học chính thức và/hoặc xin visa du học cần cung cấp Xác nhận tình trạng sức khỏe, ví dụ như khi xin visa du học Anh, bạn cần cung cấp Xác nhận khám lao phổi (TB test certificate) được thực hiện bởi Tổ chức di trú quốc tế IOM hay khi xin I-20 (Thư mời nhập học chính thức) của Mỹ, bạn cần cung cấp Xác nhận tình trạng tiêm vacxin, các bệnh được yêu cầu khác được thực hiện bởi các cơ sở y tế trong nước.

Bạn cần tìm hiểu kỹ yêu cầu đối với quốc gia tương ứng để có sự chuẩn bị phù hợp. Website hướng dẫn, email từ các trường, website chính thức của Đại sứ quán các nước hay thông tin từ các đơn vị hỗ trợ du học là các nguồn tham khảo hữu hiệu và nhanh chóng có thể hỗ trợ bạn.

2.5. Chuẩn bị trước khi lên đường

2.5.1. Đặt nhà ở

Trong quá trình chuẩn bị hồ sơ và chờ đợi kết quả visa, bạn nên tìm hiểu dần các lựa chọn nhà ở phù hợp với nhu cầu và tài chính cá nhân. Các lựa chọn này có thể là phòng ký túc xá của trường, phòng được thuê từ các đơn vị có liên kết với trường, nơi ở bên ngoài hay homestay. Ngay khi bạn có thư mời học chính thức (dù chưa nộp đơn xin visa), bạn cần làm việc ngay với đơn vị cung cấp nhà ở để đặt phòng, tìm hiểu kỹ các điều khoản để đảm bảo khi bạn đến trường thì nơi ở đã sẵn sàng.

Bạn có thể tham khảo tư vấn từ các trường, tham gia các nhóm cộng đồng sinh viên du học, sinh viên của các trường chuẩn bị theo học hoặc các website hỗ trợ tìm kiếm nhà ở để có thể thực hiện bước này một cách nhanh chóng. Bạn lưu ý, cần xác nhận độ uy tín của các đơn vị cung cấp nhà ở trước khi thực hiện bất cứ giao dịch nào.

2.5.2. Đặt vé máy bay

Ngay khi có kết quả visa, bạn cần có kế hoạch đặt vé máy bay. Thông thường, bạn đặt vé càng sớm trước ngày bay và có thời gian tham khảo giá thì càng đặt được vé với chi phí hợp lý. Một lời khuyên là bạn không nên mua vé trước khi có kết quả visa, và nên mua các vé có thể đổi, chuyển nhượng, hoàn phí để tránh các rủi ro không đáng có.

Bạn có thể đặt vé trực tiếp thông qua website của các hãng bay hoặc thông qua các đại lý bán vé uy tín.

2.5.3. Chuẩn bị các giấy tờ, vật dụng cần thiết

2.5.3.1. Về giấy tờ

Để có thể lên máy bay, nhập cảnh vào quốc gia du học hay nhập học trực tiếp tại trường, bạn cần mang theo một số giấy tờ bắt buộc theo yêu cầu. bạn có thể xin hướng dẫn trực tiếp từ trường để có sự chuẩn bị đầy đủ, phù hợp.

Các giấy tờ thường gặp bao gồm: Hộ chiếu, visa, thư mời nhập học chính thức, các giấy tờ được liệt kê trên thư mời nhập học chính thức (nếu có), giấy khám sức khỏe, xác nhận nơi ở tại nước du học, ảnh thẻ, thư đồng ý cho con đi du học (đối với các học sinh dưới 18 tuổi), chứng nhận bảo hiểm y tế, bằng cấp gốc, chứng chỉ ngoại ngữ gốc, v.v.

2.5.3.2. Về các vật dụng

Tùy vào nhu cầu cá nhân và điều kiện thời tiết, v.v. của quốc gia du học mà bạn có những chuẩn bị phù hợp. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm của các du học sinh, ngoài quần áo, vật dụng cá nhân, bạn nên mang theo thêm thuốc men, mắt kính dự phòng (đối với các bạn cận - loạn thị), ổ cắm 3 chân hoặc ổ cắm đa năng. Bạn cũng nên cân đối để mang quần áo vừa đủ, không nên mang quá nhiều vì bạn sẽ dễ dàng tìm được quần áo phù hợp khí hậu bản địa và giá cả hợp lý ở các đợt giảm giá. Bạn cũng nên mua sim điện thoại ngay tại Việt Nam hoặc tại sân bay đến để có thể kích hoạt và liên hệ khi cần thiết, ngay khi đáp máy bay.

Đối với tiền mặt, bạn chỉ nên chuẩn bị khoảng 30,000,000 - 60,000,000 VND tiền mặt được đổi ra tiền của quốc gia tương ứng nơi du học, và lưu ý đổi ra các mệnh giá nhỏ và khác nhau. [Theo quy định của Chính phủ Việt Nam](#), tất cả các công dân phải khai báo khi mang lượng tiền mặt vượt quá 5.000 USD.

Lưu ý:

Tránh đem quá nhiều vật dụng gia đình như nồi, chảo, bột giặt, v.v. mọi thứ này đều dễ dàng mua tại đất nước bạn tới. Nên đọc kỹ về quy định hàng hóa nhập cảnh khai báo hải quan ở mỗi nước khác nhau để tránh trường hợp bị phạt do mang theo hành lý không được phép (tham khảo kỹ quy định về cách ly của các quốc gia khắt khe như Úc và New Zealand).

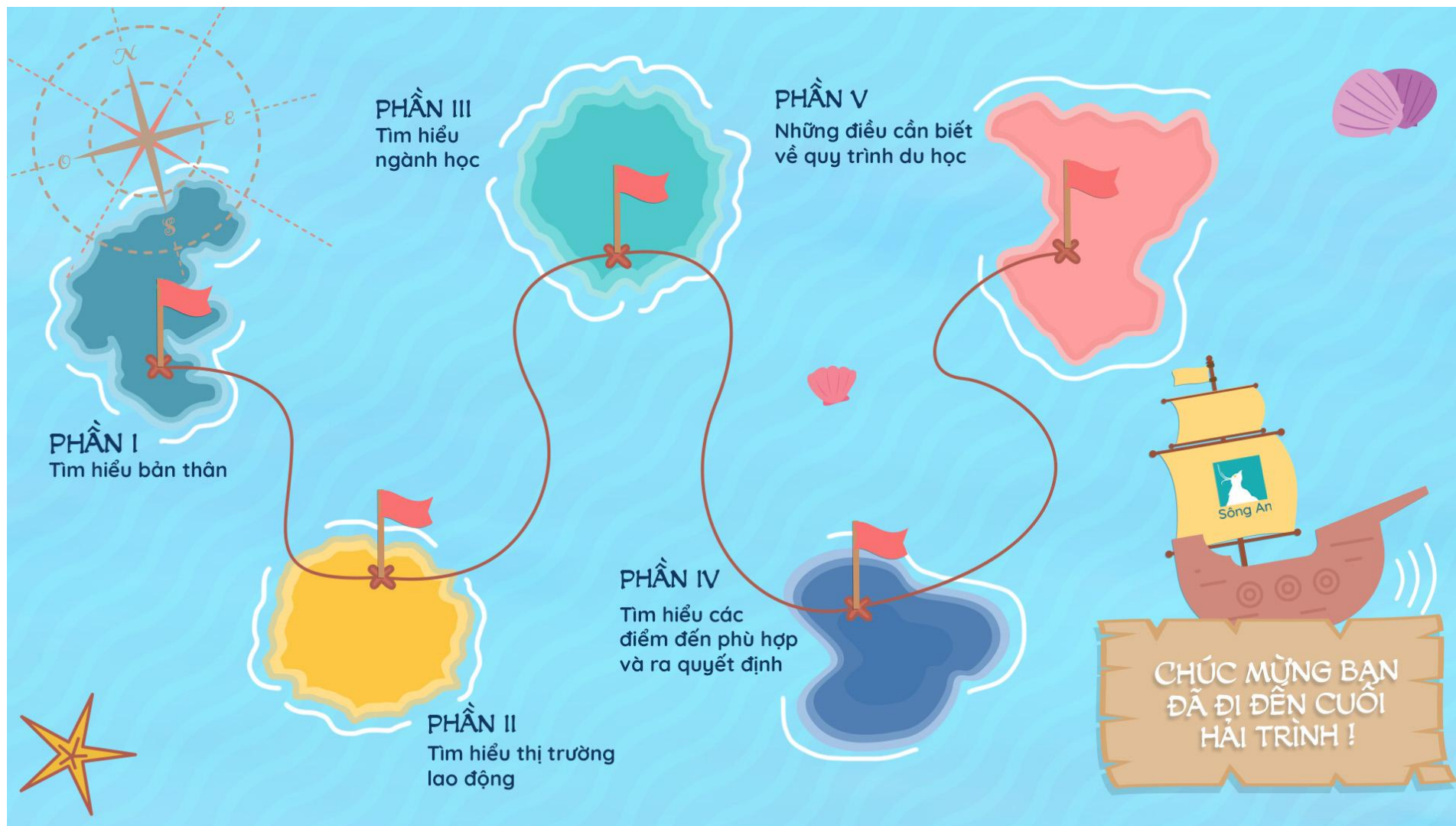
2.5.4. Mở thẻ tín dụng

Bạn nên mở một thẻ tín dụng tại ngân hàng trong nước để làm dự phòng trước khi bay.

2.5.5. Học thêm các kiến thức bổ trợ

Khi du học, bạn sẽ trải nghiệm khoảng thời gian không có gia đình, người thân, và đôi khi rất ít bạn bè bên cạnh. Do đó, tính độc lập, chủ động và đa-zi-năng sẽ giúp bạn xoay sở tốt trong mọi trường hợp, từ đó giúp cho cuộc sống cá nhân và việc học luôn được hoàn thành tốt.

Các kiến thức, kỹ năng về lập kế hoạch, thiết lập mục tiêu, quản trị cảm xúc, quản lý chi tiêu, sự hiểu biết về dinh dưỡng, kỹ năng nấu ăn, v.v. sẽ giúp bạn có thời gian du học tuyệt vời. Ngoài ra, sự hiểu biết về văn hóa, lịch sử, con người địa phương cũng sẽ giúp bạn có thời gian trải nghiệm giá trị tại nước ngoài.



LỜI KẾT

Chúc mừng bạn đã hoàn thành 5 phần nội dung trong **Cẩm nang Tự hướng nghiệp dành cho du học sinh**. Hành trình du học cần khá nhiều thời gian và tâm sức. Trong khi làm theo các bước hướng dẫn, bạn nên thảo luận quá trình thực hiện cũng như những thắc mắc (nếu có) với gia đình, thầy cô tư vấn du học, hoặc các anh chị du học sinh đi trước. Hy vọng bạn có thêm tự tin để lựa chọn hướng du học phù hợp.

Chúng tôi tin rằng bạn có thể tạo nên các bước đi vững chãi cho nghề nghiệp tương lai của mình khi có đủ sự chú tâm và cam kết. Trước những thay đổi không thể đoán trước, nhóm tác giả mong bạn luôn bền chí và linh hoạt thích nghi để tiếp tục với hành trình đã chọn.

Nếu bạn có thắc mắc trong hoặc sau khi thực hiện theo **Cẩm nang Tự hướng nghiệp dành cho du học sinh**, bạn vui lòng để lại câu hỏi để nhóm tác giả giải đáp cho bạn.

Truy cập vào đường dẫn bit.ly/CNdatcauhoi
để đặt câu hỏi

Hoặc quét mã QR bên dưới



QUỸ PHÁT TRIỂN HƯỚNG NGHIỆP

Với mong muốn hướng nghiệp được lan tỏa đến nhiều người nhất có thể, từ người cần được hướng nghiệp cho đến người hành nghề hướng nghiệp, doanh nghiệp xã hội Hướng nghiệp Sông An đã thành lập Quỹ Phát triển Hướng nghiệp của Sông An để kêu gọi sự chung tay từ cộng đồng trong việc hiện thực hóa nguyện ước này. Vui lòng tham khảo chi tiết tại huongnghiepsongan.com/tac-dong-tich-cuc/#quy-phat-trien-huong-nghiep.

Vì vậy, hành động đáp đền tiếp nối (pay it forward) của bạn sẽ giúp Sông An tiếp tục trao đi học bổng và lan tỏa chương trình tư vấn vì cộng đồng đến nhiều người hơn. Sông An tin vào việc “góp gió thành bão” nên xin đừng ngần ngại ủng hộ theo khả năng của mình.

- Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
- Số Tài Khoản: 5022
- Chủ Tài Khoản: SONG AN SOCIAL ENTERPRISE
- Nội dung: Họ và tên – Ung ho quy phat trien huong nghiep SA